



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1072* /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày *27* tháng *6* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 680/TTr-TTg
ngày 07 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng:

- **Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất** cho 236 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- **Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì** cho 380 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- **Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba** cho 589 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

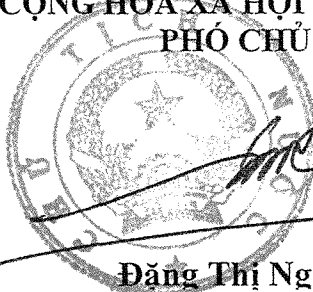
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên
trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh

DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG
(Kèm theo Quyết định số: 1072 /QĐ-CTN, ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch nước)

I. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHẤT

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, Đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Ngô Ngọc Thạch	Trung tá	Trợ lý, Trạm Đo lường, chất lượng, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	7/1993	Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
2.	Trần Quốc Thái	Trung tá CN	Quản đốc, Phân xưởng Gia công Cơ khí-Cơ điện, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	7/1996	Phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3.	Trần Thị Oanh	Trung tá	Trưởng phòng Tài chính, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	9/1995	Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
4.	Phạm Thị Thu	Trung tá CN	Phó Phân kho trưởng, Phân kho Vật tư B, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	9/1995	Xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
5.	Phạm Văn Toàn	Trung tá CN	Phân đội trưởng, Phân đội Gia công Cơ khí-Mộc; Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1962	12/1995	Xã Quang Trung, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
6.	Bùi Đình Tuấn	Trung tá CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	9/1995	Xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
7.	Hoàng Thị Sáu	Trung tá CN	Phó Phân kho trưởng, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	9/1995	Xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
8.	Đinh Việt Hùng	Trung tá CN	Tổ trưởng, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/1996	Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
9.	Nguyễn Thị Hợp	Trung tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1959	8/1996	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
10.	Nguyễn Thanh Hường	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội xe vận tải, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/1993	Xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
11.	Lê Thị Mai	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/1996	Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
12.	Đinh Thị Quyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	7/1996	Xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

K

13.	Đinh Thị Thu Dung	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	7/1996	Xã Sào Báy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
14.	Lê Thị Mai Hằng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/1996	Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
15.	Đỗ Thị Minh Nguyệt	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	7/1996	Xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
16.	Lê Thị Thắm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	7/1996	Xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
17.	Tô thị Hường	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	7/1996	Xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
18.	Nguyễn Tài Long	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	7/1996	Xã Tân Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
19.	Nguyễn Thị Diệp	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	7/1994	Phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
20.	Tạ Thị Loan	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	7/1996	Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
21.	Nguyễn Văn Thắng	Thiếu tá	Trưởng ban Tài chính, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	7/1996	Xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
22.	Lê Thị Ngọc	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tài chính, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	8/1996	Xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
23.	Vũ Văn Chính	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	7/1996	Xã Nghĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
24.	Nguyễn Thị Liên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	7/1996	Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
25.	Lê Nhị Ca	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	7/1996	Xã Hoảng Quý, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
26.	Nguyễn Thị Tân Nhân	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	7/1996	Xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
27.	Nguyễn Thị Khánh	Thiếu tá CN	Tổ phó, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	7/1996	Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
28.	Nguyễn Thị Kim Thoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	7/1996	Xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
29.	Bùi Thị Duyên	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	9/1995	Xã Cổ Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình

30.	Dương Quốc Tú	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	10/1995	Xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
31.	Bùi Anh Tuấn	Thiếu tá CN	Tổ phó, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	9/1995	Xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
32.	Trần Doãn Hoan	Thiếu tá CN	Thủ kho, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	9/1995	Xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
33.	Nguyễn Văn Phú	Thiếu tá CN	Thợ Mộc, Phân đội Gia công Cơ khí, Mộc; Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1965	01/1995	Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
34.	Lê Văn Phiên	Thiếu tá CN	Thợ Mộc, Phân đội Gia công Cơ khí, Mộc; Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1960	10/1985	Xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
35.	Nguyễn Thị Đào	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	9/1995	Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
36.	Trần Thị Tuyết	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	9/1995	Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
37.	Nguyễn Quốc Hiến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư B, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	7/1995	Xã Ninh Khánh, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
38.	Nguyễn Hồng Châu	Đại úy CN	Nhân viên bảo vệ, Ban Hành chính, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1988	Xã Đức Thanh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
39.	Phạm Bá Long	Đại úy CN	Phân đội trưởng, Phân đội Gia công Cơ khí, Mộc, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/1996	Xã Thanh Vân, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
40.	Trương Bá Dương	Đại úy CN	Thợ gò hàn, Phân đội Gia công Cơ khí, Mộc, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	7/1996	Xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
41.	Nguyễn Hồng Sơn	Đại úy CN	Nhân viên, Trạm Kiểm định số 11, Kho J258, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	7/1996	Xã Tam Ngọc, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
42.	Đặng Thị Hoa	Đại úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/1996	Xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
43.	Phạm Văn Hùng	Thượng úy CN	Phó Phân kho trưởng, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1995	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
44.	Nguyễn Thế Cận	Thượng úy CN	Phó phân kho trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	02/1995	Xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
45.	Hoàng Văn Dũng	Thượng úy CN	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	2/1993	Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
46.	Vương Ngọc Huyền	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	10/1995	Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

47.	Đoàn Tuấn Nghĩa	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1995	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
48.	Lê Thị Hiền	Trung úy CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư B, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
49.	Nguyễn Thế Tuyền	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	3/1996	Xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
50.	Nguyễn Đức Hải	Trung úy CN	Nhân viên bảo quản, Xưởng Bảo quản, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
51.	Đặng Doãn Tuyên	Trung úy CN	Thợ sửa chữa, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	3/1996	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
52.	Dương Đăng Thịnh	Trung úy CN	Thợ gò hàn, Phân đội Gia công Cơ khí, Mộc, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	3/1996	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
53.	Đoàn Ngọc Vĩnh	Trung úy CN	Thợ sơn, Phân đội Gia công Cơ khí, Mộc, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	3/1996	Xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
54.	Nguyễn Văn Thắng	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	3/1996	Xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
55.	Trần Anh Trường	Trung úy CN	Thợ sửa chữa, Đội Sửa chữa Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1995	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
56.	Lê Hồng Phong	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1996	Phường Văn Giang, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
57.	Trần Thanh Nam	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/1995	Phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
58.	Trần Văn Viện	Trung úy CN	Lái xe, Đội Vận tải 1, Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	9/1994	Xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
59.	Lương Ngọc Thu	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	10/1995	Thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
60.	Nguyễn Văn Khả	Đại úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	10/1995	Xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
61.	Lý Hoa Đào	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	7/1997	Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
62.	Nguyễn Anh Tuấn	Thiếu tá CN	Nhân viên Bảo vệ K10, Ban Hậu cần, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

4

63.	Đoàn Văn Đô	Thiếu tá CN	Nhân viên Cảnh vệ, Phân kho K9, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
64.	Trần Văn Ký	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân đội Cần vụ bốc xếp, Phân kho K9, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
65.	Phạm Quang Công	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Đức Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
66.	Cao Văn Hanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
67.	Đinh Văn Khiêm	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Trạm sửa chữa, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
68.	Tạ Đức Vinh	Thiếu tá CN	Phó Trung đội trưởng Cảnh vệ, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
69.	Dương Văn Kiểm	Thiếu tá CN	Tổ trưởng Cảnh khuyến, đội Bảo vệ, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
70.	Nguyễn Tuấn Long	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
71.	Hoàng Văn Điện	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Thái Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
72.	Nguyễn Thị Nga	Thiếu tá CN	Phó Quản đốc, Phân xưởng Hòm Hộp, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1964	8/1998	Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
73.	Hoàng Thế Mạnh	Thiếu tá CN	Lái xe, Ban Kế hoạch, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1973	02/1998	Phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
74.	Nguyễn Văn Trường	Thiếu tá CN	Thợ sản xuất, Phân xưởng Chất Dẻo, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
75.	Phạm Hồng Phúc	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên, Phân xưởng Máy Trang cụ, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
76.	Bùi Đức Thắng	Thiếu tá CN	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1967	8/1998	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
77.	Hà Văn Minh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
78.	Phan Đình Phong	Thiếu tá CN	Phó phòng Thí nghiệm CL-TP Trung tâm Thí nghiệm- Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	9/1998	Xã Yên Minh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

79.	Vũ Văn Tài	Thiếu tá CN	Trưởng ban Kiểm nghiệm Vũ khí, Trung tâm Thí nghiệm- Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	9/1998	Xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
80.	Nguyễn Văn Quý	Đại úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1998	Xã Đồng Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
81.	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thiếu tá CN	Phân đội trưởng Cảnh vệ, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	6/1997	Xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
82.	Vũ Tiến Việt	Thiếu tá CN	Đội trưởng xây dựng 1, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/1998	Xã Đông Xuyên, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
83.	Trần Thị Lan	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	5/1997	Xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
84.	Phạm Thị Hòa	Thiếu tá CN	Nhân viên Tài chính, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1963	5/1997	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
85.	Hoàng Văn Cảnh	Thiếu tá CN	Trạm trưởng Trạm Hóa nghiệm T264, Kho K890, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/1997	Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
86.	Nguyễn Văn Thành	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Đội Bảo vệ, Kho K890, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
87.	Vũ Thị Thu	Thiếu tá CN	Nhân viên hóa nghiệm, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1974	03/1998	Xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
88.	Lê Thị Kiều Diễm	Thiếu tá CN	Nhân viên hóa nghiệm, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/1998	Xã Tràng An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
89.	Lê Văn Mạnh	Thiếu tá CN	Nhân viên thống kê, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
90.	Phan Văn Hà	Thiếu tá CN	Phó Trưởng phòng thí nghiệm, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/1997	Xã Tràng An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
91.	Nguyễn Văn Chung	Đại úy CN	Nhân viên, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	3/1998	Xã Tràng An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
92.	Vũ Thái Cơ	Thiếu tá CN	Trưởng Ban Tài chính, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
93.	Nguyễn Văn Luyện	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
94.	Lê Mạnh Trình	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Phường Đông Triều, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
95.	Vũ Hoài Nam	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

96.	Nguyễn Thành Trung	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
97.	Đỗ Thị Mai	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
98.	Nguyễn Văn Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
99.	Nguyễn Thanh Tùng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
100.	Nguyễn Hoàng Duy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
101.	Vũ Thị Lan	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
102.	Nguyễn Như Đông	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
103.	Bùi Văn Đôn	Đại úy CN	Lái xe, Ban Kế hoạch, Trung tâm Kiểm định Đạn dược T265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
104.	Hàn Thị Huyền	Thiếu tá CN	Nhân viên Bảo vệ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình
105.	Trịnh Duy Thanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
106.	Mai Văn Sơn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
107.	Lê Văn Đồng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã An Vỹ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
108.	Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/1998	Xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
109.	Hoàng Thị Thu An	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tài chính, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	01/1998	Xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
110.	Đinh Thị Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/1998	Xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
111.	Nguyễn Bình Bảy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
112.	Trần Thị Thoại	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

113.	Vũ Tuấn Sơn	Thiếu tá	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	9/1998	Xã Tân Hương, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
114.	Phan Thanh Hà	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
115.	Nguyễn Long Giang	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo quản 1, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
116.	Nguyễn Thị Thảo	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
117.	Nguyễn Đình Hoàn	Thiếu tá	Phó đội trưởng Đội Bảo quản 1, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Quy Mỹ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
118.	Nguyễn Công Hà	Đại úy	Trợ lý ban Kỹ thuật, Kho K864, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Vân Trục, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
119.	Hoàng Văn Kết	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K864, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	8/1998	Xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
120.	Võ Văn Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1998	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
121.	Trần Anh Dũng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Tu bổ Doanh trại, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
122.	Bùi Văn Thiêm	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
123.	Trần Kim Đồng	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
124.	Trần Ngọc Tam	Thiếu tá	Trưởng Ban Hậu cần, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	9/1998	Xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
125.	Nguyễn Chu Nghĩa	Thiếu tá CN	Đội trưởng Đội Bảo quản, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	9/1998	Phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
126.	Nguyễn Kim Ngộ	Thiếu tá CN	Trợ lý kỹ thuật-Ban KT, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/1997	Thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
127.	Hà Đình Lực	Thiếu tá CN	Đội phó, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
128.	Lê Thanh Minh	Thiếu tá CN	Đội phó, Đội BQ vật tư, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tân Lập, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
129.	Văn Quốc Anh	Thiếu tá CN	Đội phó, Đội BQ Pháo, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

130.	Phạm Thị Bình	Thiếu tá CN	Nhân viên Thống kê, Ban Chính trị, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1970	7/1998	Xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
131.	Đoàn Thanh Hà	Thiếu tá CN	Phân xưởng trưởng-XBD, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
132.	Lê Văn Hợi	Thiếu tá CN	Thủ kho, Đội BQ Pháo, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
133.	Trần Quang Nguyên	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Xưởng Bảo dưỡng, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	2/1998	Xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
134.	Vũ Công Nhiệm	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Xưởng Bảo dưỡng, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/1998	Xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
135.	Đỗ Văn Điệp	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo quản, Kho K860, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
136.	Đỗ Văn Nam	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo quản, Kho K860, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
137.	Bùi Văn Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K860, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1998	Xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
138.	Nguyễn Trung Hiếu	Thiếu tá CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
139.	Lê Sỹ Doanh	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân y, Ban Hậu cần, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
140.	Lê Thị Tuyết	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1975	4/1998	Xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
141.	Võ Viết Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên tài chính Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
142.	Nguyễn Sỹ Quyền	Thiếu tá	Thủ kho Vật tư Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
143.	Nguyễn Thọ Bộ	Thiếu tá CN	Trợ lý bảo vệ, Ban Chính trị, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tinh Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
144.	Dương Thị Hà	Thiếu tá CN	Nhân viên Thông tin, Ban Kế hoạch, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
145.	Hồ Thanh Hải	Thiếu tá CN	Trợ lý Quân lực, Ban Kế hoạch, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Tích Giang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
146.	Vũ Viết Viên	Thiếu tá CN	Trợ lý Quân lực, Ban Kế hoạch, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

7A

147.	Nguyễn Văn Hội	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
148.	Trần Thị Thúy Nga	Đại úy CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tân Cương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
149.	Nguyễn Khắc Quyết	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
150.	Nguyễn Văn Dũng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân đội Tu bổ Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
151.	Trần Văn Miến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Yên Bình, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
152.	Phạm Gia Khánh	Thiếu tá CN	Nhân viên Phân đội Cần vụ, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
153.	Nguyễn Thị Hoàn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
154.	Vi Thị Thái	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/1998	Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
155.	Vũ Đức Thịnh	Thiếu tá	Trợ lý Chính trị, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	9/1997	Xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
156.	Bùi Văn Hùng	Thiếu tá	Quản đốc, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
157.	Bùi Văn Cường	Thiếu tá	Tổ phó Tổ Cơ điện 1, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
158.	Nguyễn Mạnh Hùng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
159.	Danh Thị Hương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Mai Chung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
160.	Đào Thị Ngọc Ký	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Tân Đoàn, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
161.	Đoàn Thị An	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Văn Hoàng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
162.	Lý Xuân Huy	Thiếu tá CN	Phó tổ trưởng Trạm BDSC, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
163.	Phạm Việt Hải	Thiếu tá	Phó tổ trưởng Trạm BDSC, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh

164.	Nguyễn Thành Đạt	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cận vụ - Bốc xếp, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
165.	Ngô Duy Hoà	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cận vụ - Bốc xếp, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
166.	Vương Chí Thành	Thiếu tá	Phó đội trưởng, Đội Tu bổ doanh trại, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1972	8/1998	Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
167.	Lê Văn Thương	Đại úy	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
168.	Lê Xuân Hoàng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
169.	Dur Thị Nhâm	Thiếu tá CN	Nhân viên Trường Mầm non, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/1997	Xã Định Giáo, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
170.	Giang Kim Ngọc	Thiếu tá	Chính trị viên Cảnh vệ, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Vân Trúc, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
171.	Vũ Thị Hạnh	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa Đạn, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
172.	Đỗ Trung Tuyển	Thiếu tá	Trợ lý, Ban Kế hoạch, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
173.	Hà Khánh Phượng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
174.	Bùi Văn Hiến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
175.	Lưu Quốc Thịnh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1077	02/1998	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
176.	Phạm Văn Nam	Đại úy	Phân đội trưởng Cảnh vệ, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
177.	Nguyễn Tiến Phòng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cận vụ Bốc xếp, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1971	01/1998	Xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
178.	Phạm Ngọc Sơn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cận vụ Bốc xếp, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1972	04/1998	Xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
179.	Hoàng Thị Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên Văn thư, Ban Kế hoạch, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1968	9/1997	Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
180.	Trần Quang Linh	Thiếu tá	Phó đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

181.	Đào Quang Chắt	Đại úy	Trợ lý, Phòng Hậu cần, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/1997	Xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
182.	Phạm Quốc Quân	Đại úy	Trợ lý, Phòng HC, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1997	Xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
183.	Vũ Trọng Đại	Thiếu tá	Phân đội trưởng, Đội Cảnh vệ, Kho K894, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
184.	Đỗ Hoài Nam	Thiếu tá CN	Phó phân đội trưởng, Đội Cảnh vệ, Kho K894, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
185.	Trần Văn Giáp	Đại úy	Trợ lý chính trị, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1974	8/1998	Phường Phú Sơn, thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
186.	Lê Thuận Tiến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Trạm sửa chữa, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1998	Xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
187.	Võ Đức Ánh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	8/1998	Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
188.	Võ Đức Thụ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cần vụ, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	7/1998	Xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
189.	Ngô Quốc Đoàn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
190.	Nguyễn Thế Hải	Thiếu tá CN	Thủ kho đạn, Đội Bảo quản 1, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
191.	Bùi Văn Tính	Đại úy CN	Tiểu đội trưởng, Đội Cảnh vệ, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
192.	Bùi Thị Thuý Mùi	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	10/1998	Xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
193.	Nguyễn Thị Bích Liên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
194.	Đào Thành Trung	Đại úy	Trợ lý Tác chiến, Ban Kế hoạch, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
195.	Bùi Văn Nguyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, đội Bảo vệ, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/1998	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
196.	Bùi Văn Xuân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
197.	Nguyễn Sỹ Thu	Thiếu tá CN	Trợ lý Quân lực Ban Kế hoạch, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1970	6/1997	Xã Đô Lương, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

198.	Nguyễn Văn Hiệp	Đại úy CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1970	9/1998	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
199.	Nguyễn Thị Hoa	Thiếu tá CN	Thủ kho đạn, đội Bảo quản 2, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	9/1998	Xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
200.	Phan Hữu Phong	Thiếu tá CN	Nhân viên lái xe, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Mạc Bằng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
201.	Cao Thị Hào	Thiếu tá CN	Nhân viên bảo viên, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1970	4/1998	Xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
202.	Hứa Trọng Nghĩa	Thiếu tá CN	Thống kê kỹ thuật, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1972	8/1998	Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
203.	Lưu Trung Thắng	Đại úy CN	Nhân viên Cảnh vệ, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
204.	Nguyễn Xuân Luận	Thiếu tá CN	Nhân viên bảo vệ, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/1998	Phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
205.	Hoàng Văn Soạn	Thiếu tá CN	Nhân viên bảo vệ, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1971	4/1998	Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
206.	Nguyễn Thị Hoan	Thiếu tá CN	Nhân viên bảo quản, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1972	3/1998	Xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
207.	Nguyễn Thị Hạnh	Thiếu tá CN	Nhân viên báo vụ, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
208.	Nguyễn Thế Quyền	Thiếu tá	Đội trưởng Bảo quản, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	9/1998	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
209.	Nguyễn Văn Vượng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1967	01/1998	Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình
210.	Trần Ngọc Long	Đại úy CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	02/1998	Xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
211.	Trần Thị Bình	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	5/1998	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
212.	Phạm Văn Đoàn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1975	5/1998	Xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
213.	Nguyễn Hữu Lanh	Đại úy CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	8/1998	Xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
214.	Lương Ánh Dương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	8/1998	Xã Hoa Lư, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

7

215.	Nguyễn Bá Quyết	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
216.	Trịnh Văn Đăng	Đại úy CN	Tổ trưởng tổ Cần vụ-bốc xếp, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật.	1971	8/1997	Xã Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
217.	Trịnh Văn Khải	Đại úy	Trợ lý tác chiến, Ban kế hoạch, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Khoan Dụ, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình
218.	Nguyễn Tiến Hưng	Đại úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	9/1998	Xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
219.	Bùi Thị Minh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban hậu cần, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	8/1998	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
220.	Hoàng Chính Nghĩa	Đại úy CN	Đội trưởng, Đội BQ phụ tùng, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1975	9/1998	Xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
221.	Đặng Văn Nghiệp	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Đội bảo quản, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1970	9/1998	Xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
222.	Bùi Thái Vũ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
223.	Bùi Anh Tuấn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
224.	Nguyễn Đình Tùng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
225.	Phạm Công Trào	Đại úy	Thủ kho, Đội BQ phụ tùng, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1972	5/1997	Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
226.	Bùi Thị Lan	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1968	7/1997	Xã Thái Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
227.	Nguyễn Quang Giang	Đại úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ, Kho K852, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1976	01/1998	Xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
228.	Nguyễn Thái Bình	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K852, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
229.	Nguyễn Sỹ Long	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo quản 2, Kho K852, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	01/1998	Xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
230.	Lê Hồng Lương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K852, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
231.	Nguyễn Thị Phương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho K852, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	01/1998	Xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

232.	Phan Xuân Bảy	Thiếu tá CN	Tiểu đội trưởng Vệ binh, Đội Cảnh vệ, Kho K812, Cục Quân Khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
233.	Nguyễn Văn Dũng	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Hậu Cần, Kho K812, Cục Quân Khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
234.	Hoàng Thị Thơ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu Cần, Kho K812, Cục Quân Khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1998	Phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
235.	Nguyễn Thị Giang	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K812, Cục Quân Khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/1998	Xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
236.	Nguyễn Hồng Bắc	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K812, Cục Quân Khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

✍

II. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHÌ

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, Đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Nguyễn Thị Tuyết	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho dự trữ quốc phòng, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1996	Xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
2.	Phạm Thu Hợp	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	3/1986	Xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
3.	Vũ Thị Nguyệt	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
4.	Trần Thị Nguyệt Phượng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đại đội 3, Kho J258, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Phường Lê Lợi, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
5.	Nguyễn Thị Lựu	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J258, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	02/1985	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
6.	Nguyễn Thị Tân Nhân	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, PKVT1, Kho J106 Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	10/1988	Xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
7.	Vũ Văn Chính	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, PKVT1, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	01/1989	Xã Nghĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
8.	Đặng Thị Hoa	Đại úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	6/1993	Xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
9.	Nguyễn Văn Phượng	Đại úy	Trợ lý, Phòng Sửa chữa, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	02/1993	Phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
10.	Nguyễn Nhất Văn	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1980	9/1999	Xã Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
11.	Phạm Văn Hùng	Thượng úy CN	Phó Phân kho trưởng, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1995	Xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
12.	Bùi Ngọc Phượng	Thượng úy	Phó Xưởng trưởng, Xưởng T285, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2000	Xã Diễn Kim, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An
13.	Phạm Đình Tuấn	Thượng úy CN	Trợ lý, Trung tâm Kiểm định 17, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2000	Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
14.	Trần Văn Thuỷ	Trung úy CN	Trợ lý quân lực, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2001	Xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
15.	Nguyễn Trường Giang	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2000	Phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
16.	Bùi Văn Thận	Trung úy	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng,	1975	3/1996	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho

		CN	Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật			Quan, tỉnh Ninh Bình
17.	Lê Văn Sỹ	Trung úy	Trợ lý Chính trị, Ban Chính trị Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/1997	Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
18.	Thái Văn Thắng	Thiếu úy CN	Thợ tiện, Phân đội Gia công cơ khí- Mộc, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2001	Xã Phú Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
19.	Đỗ Đình Hưng	Thiếu úy CN	Thợ sửa chữa, Xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe Du lịch, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2001	Xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
20.	Vũ Văn Chính	Thiếu úy CN	Thợ sửa chữa, Phân xưởng sửa chữa Xe lớn, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2001	Xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
21.	Nguyễn Mạnh Đạt	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2000	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
22.	Bùi Văn Hùng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2000	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
23.	Hoàng Văn Tâm	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2001	Xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
24.	Đường Vinh Tính	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Kho J106, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2001	Xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
25.	Lưu Đức Trọng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2001	Xã Tân Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
26.	Trịnh Quang Trung	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2001	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
27.	Nguyễn Đức Hoà	Thiếu úy CN	Nhân viên, Đội xe vận tải, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2001	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
28.	Nguyễn Quý Hưng	Thượng úy	Trợ lý, Ban Ban Tham mưu - Kế hoạch, xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	7/2001	Xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
29.	Thái Văn Thắng	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Đội sửa chữa, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2001	Xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
30.	Vũ Văn Hải	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Ban Tham mưu - Kế hoạch, kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2002	Xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
31.	Mai Văn Cường	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	3/2002	Xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
32.	Nguyễn Ngọc Cảnh	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2002	Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

78

33.	Trần Quốc Cường	Thiếu úy	Tổ phó, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2002	Phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
34.	Phạm Văn Trường	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2002	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
35.	Dương Văn Quyết	Đại úy	Trợ lý, phân xưởng Sửa chữa xe lớn, Nhà máy Z157, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1979	9/2002	Xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
36.	Nguyễn Quốc Khánh	Thiếu tá	Tổ trưởng tổ Điện, phân xưởng Máy- gầm-điện, Nhà máy Z157, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	7/1980	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
37.	Lê Trọng Hùng	Thiếu tá	Tổ phó tổ mộc, xưởng Cơ khí- mộc, Kho J112, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
38.	Nguyễn Đức Dũng	Thiếu tá CN	Thợ gò, Xưởng sửa chữa xe du lịch, Nhà máy Z157, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	02/1982	Xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
39.	Lê Văn Duẩn	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Phân xưởng Máy- gầm- điện, Nhà máy Z157, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1965	3/1983	Xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
40.	Nguyễn Hồng Quân	Thiếu tá CN	Thợ sửa chữa, Phân xưởng Máy- gầm- điện, Nhà máy Z157, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1959	01/1977	Phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
41.	Trần Văn Phú	Đại úy	Phó Trạm trưởng trạm bảo dưỡng sửa chữa, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/1998	Xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
42.	Nguyễn Thị Kiều	Đại úy CN	Nhân viên, ban Hậu cần, Kho J112, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1988	Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
43.	Nguyễn Thị Nga	Đại úy CN	Nhân viên, trung đội Cảnh vệ- bảo vệ, Kho J112, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1988	Xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
44.	Nguyễn Thế Lĩnh	Trung tá CN	Nhân viên Xưởng cơ khí- mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	8/1985	Xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
45.	Nguyễn Thị Tươi	Trung tá CN	Nhân viên, Xưởng cơ khí- mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
46.	Vũ Thị Luyến	Trung tá CN	Nhân viên, Ban Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
47.	Vũ Thị Lý	Trung tá CN	Nhân viên, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1986	Xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
48.	Lê Thị Đào	Trung tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986	Xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
49.	Bùi Thị Liên	Trung tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	02/1985	Xã Thượng Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

50.	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1986	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
51.	Trần Thị Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1988	Xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
52.	Phan Việt Bắc	Thiếu tá CN	Nhân viên Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	8/1983	Xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
53.	Nguyễn Xuân Điệp	Thiếu tá	Tổ trưởng, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986	Xã Mạn Lan, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
54.	Bùi Thị Thân	Thiếu tá	Phó tổ trưởng, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Kim Bình, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
55.	Tạ Thị Bảy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	4/1985	Xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
56.	Bùi Thị Khánh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Kim Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
57.	Nguyễn Thị Duyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1986	Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
58.	Trần Thị Thanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1985	Xã Lệ Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
59.	Nguyễn Thị Sen	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
60.	Vũ Thị Minh Chín	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1986	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
61.	Bùi Thị Tính	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
62.	Bùi Thị Miên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
63.	Hà Thị Kim Dung	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	02/1985	Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình
64.	Đặng Thị Nhung	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1988	Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
65.	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1988	Xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
66.	Ngô Thị Mây	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1985	Xã Xuân Khuê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

67.	Nguyễn Thu Hiền	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1989	Xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
68.	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	4/1989	Thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
69.	Nguyễn Thị Oanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	02/1985	Xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình
70.	Hoàng Xuân Oai	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1987	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
71.	Đoàn Liên Chi	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1962	9/1983	Xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
72.	Nguyễn Thị Châm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
73.	Khuất Thanh Bình	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1988	Xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
74.	Nguyễn Thị Thu Dần	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1986	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
75.	Nguyễn Thị Duyên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1989	Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
76.	Bùi Thị Lý	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1965	02/1985	Xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình
77.	Phạm Thị Tinh	Thiếu tá	Phó Tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1988	Xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
78.	Phạm Thị Suy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
79.	Quách Thị Tân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Kim Bình, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
80.	Bùi Thị Tinh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	02/1985	Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
81.	Phạm Hồng Quý	Thiếu tá	Tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy/ Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Hợp Kim, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
82.	Nguyễn Thị Chiến	Thiếu tá	Phó tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
83.	Trần Thị Tự	Đại úy CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	4/1989	Xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

84.	Nguyễn Xuân Hòa	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1994	Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
85.	Võ Thị Thanh	Đại úy CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1988	Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
86.	Nguyễn Thị Loan	Đại úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1986	Xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
87.	Mai Văn Triêm	Thượng úy	Phó tổ trưởng, Xưởng bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1996	Xã Bắc Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
88.	Lê Đình Biên	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
89.	Đỗ Văn Toàn	Trung úy	Tổ trưởng, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	02/1992	Xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
90.	Vũ Đức Quyết	Trung úy	Phó Xưởng trưởng Xưởng Bảo quản, Kho J112, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2002	Xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
91.	Nguyễn Thành Nam	Thiếu tá	Trợ lý, Phân xưởng Gia công- cơ khí- cơ điện, Nhà máy Z157, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	9/2002	Xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
92.	Nguyễn Hải Nam	Thượng úy	Trưởng ban Tài chính, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2002	Xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
93.	Nguyễn Huy Hiệu	Thiếu úy CN	Lái xe, Đội Vận tải 2, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
94.	Nguyễn Trọng Thoại	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
95.	Đồng Ngọc Cường	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
96.	Vũ Minh Đức	Thiếu úy	Phó tổ trưởng thuộc Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
97.	Phạm Văn Long	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Thọ Vinh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
98.	Phạm Ngọc Quang	Thiếu úy	Phó tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Quang Hưng, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
99.	Đào Viết Hùng	Thiếu úy	Phó tổ trưởng, Phân kho vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

100.	Vũ Thanh Hải	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
101.	Nguyễn Thanh Tuấn	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2003	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
102.	Nguyễn Văn Thắng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
103.	Trần Viết Thông	Trung úy CN	Đội trưởng Đội Vận tải, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	11/2002	Xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
104.	Nguyễn Văn Hải	Thiếu tá	Tổ trưởng, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2003	Xã Vĩnh Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
105.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thượng úy	Trợ lý, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2003	Xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
106.	Đỗ Lê Tú	Trung úy	Phó đội trưởng Đội vận tải 1, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1892	02/2001	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
107.	Đàm Thị Diễm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội tiếp nhận, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1989	Xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
108.	Lê Thị Hân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Đoàn 384, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	3/1989	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
109.	Đặng Thị Hoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986	Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
110.	Nguyễn Thị Phương Thanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1989	Phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
111.	Nguyễn Trung Thành	Trung úy	Trưởng ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J258, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2003	Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
112.	Nguyễn Mạnh Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
113.	Bùi Xuân Trường	Trung úy CN	Nhân viên, Ban TM-KH, Kho J102, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
114.	Nguyễn Văn Tuấn	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
115.	Phạm Văn Đạo	Thượng úy	Trưởng ban Hậu cần, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
116.	Phạm Chí Công	Trung úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

117.	Trần Mạnh Cường	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2002	Xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
118.	Lê Thị Thu Hiền	Đại úy	Trợ lý, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	9/1997	Xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
119.	Dương Văn Thắng	Thiếu tá	Trợ lý, Ban Tổ chức, Phòng Chính trị, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/1991	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
120.	Nguyễn Văn Điền	Trung tá	Phân kho trưởng, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	10/1988	Xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
121.	Lê Thị Tinh	Trung tá	Tổ trưởng, Tổ kho 111, Phân kho Vật tư 2, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	10/1987	Xã Đức Bắc, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
122.	Hán Văn Uyên	Trung tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	5/1985	Xã Văn Lương, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
123.	Phạm Thị Lý	Trung tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	8/1989	Xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
124.	Tổng Thanh Khiêm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	10/1988	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
125.	Hồ Huy Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	11/1988	Xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
126.	Nguyễn Thị Len	Thiếu tá	Tổ phó, tổ Đảm bảo, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1987	Xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
127.	Hoàng Thị Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	4/1997	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
128.	Hà Xuân Sơn	Thiếu tá	Tổ trưởng, Tổ Điện di, Xưởng Bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	01/1989	Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
129.	Đồng Văn Phong	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	10/1988	Xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
130.	Trịnh Trọng Chiến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	5/1985	Xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
131.	Nông Thị Kiều	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	10/1988	Xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
132.	Bùi Thị Dậu	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/1988	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
133.	Nguyễn Thị Nụ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	10/1988	Xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

134.	Nguyễn Thế Sơn	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	5/1985	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
135.	Phan Thị Hà	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư 2, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1961	8/1982	Xã Đức Thủy, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
136.	Đỗ Thị Thu Hiền	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	11/1990	Phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
137.	Trần Thị Ngân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	10/1990	Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
138.	Trần Vũ Cơ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1965	6/1985	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
139.	Nguyễn Văn Quyền	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	7/1985	Xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
140.	Bùi Thị Lanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	8/1992	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
141.	Bùi Văn Đăng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1967	5/1985	Xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
142.	Vũ Thị Hồng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư 1, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/1988	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
143.	Đặng Thị Lan	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/1994	Xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
144.	Lê Thị Thương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/1988	Xã Hoảng Quý, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
145.	Nguyễn Thị An	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	7/1993	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
146.	Nguyễn Duy Ánh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1964	02/1989	Xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
147.	Nguyễn Văn Đạt	Thiếu tá	Tổ trưởng tổ Gia công-Cơ khí, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	01/1989	Xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
148.	Hoàng Thị Kim Oanh	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	9/1992	Xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
149.	Dương Thị Phương Loan	Trung úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/1999	Xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
150.	Lê Văn Dương	Trung úy CN	Nhân viên, Đội xe Vận tải, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2004	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

151.	Đỗ Văn Thuyền	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2004	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
152.	Ma Thị Hương Thảo	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	3/2004	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
153.	Nguyễn Huy Hoàng	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	12/2002	Xã Bình Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
154.	Lê Hữu Trung	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2004	Xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
155.	Phạm Thị Mai	Trung úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	7/2001	Xã Bắc Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
156.	Vũ Quỳnh Lâm	Thiếu úy	Tổ phó, Tổ 115, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2004	Xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
157.	Tổng Trường Nam	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2004	Xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
158.	Trần Văn Khải	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2004	Xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
159.	Nguyễn Văn Cường	Thiếu úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2004	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
160.	Khuất Anh Toàn	Thiếu úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	3/2002	Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
161.	Đặng Trung Kiên	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Xưởng 203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2004	Phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
162.	Hà Thị Phương	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	11/2003	Xã Tinh Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
163.	Nguyễn Thúy Hằng	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Tài Chính, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/1998	Xã Quang Trung, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
164.	Đoàn Thu Hương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tài Chính, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	01/1998	Xã Giao Yên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
165.	Ngô Thị Quyên	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tài Chính, Xưởng 203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	02/1995	Xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
166.	Đinh Huy Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	6/1993	Xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
167.	Trần Thị Hoa Ban	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/1997	Xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

168.	Nguyễn Thị Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	9/1988	Xã Minh Hoàng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
169.	Ngô Thị Ái	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	4/1997	Xã Sơn Điện, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
170.	Dương Thị Thúy Anh	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	11/2003	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
171.	Nguyễn Thị Lan	Đại úy	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	9/1992	Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
172.	Bùi Thị Bích	Thiếu tá CN	Bếp trưởng, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	11/1988	Xã Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
173.	Đinh Thị Kim Nhung	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	10/1990	Thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
174.	Nguyễn Thế Anh	Thiếu úy CN	Thợ sửa chữa, Đội Sửa chữa, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
175.	Nguyễn Ngọc Huân	Thiếu úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2002	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
176.	Nguyễn Anh Tuấn	Thiếu tá CN	Thợ tiện, Phân đội Gia công, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	12/1986	Phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
177.	Bùi Thanh Bình	Thượng úy CN	Thợ sơn, Phân đội Gia công cơ khí, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/1993	Xã Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
178.	Nguyễn Minh Hoàng	Thượng úy CN	Thợ sơn, Phân đội Gia công cơ khí, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/1993	Xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
179.	Đặng Như Huy	Thiếu úy CN	Thợ tiện, Phân xưởng Gia công, Xưởng X203, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2004	Xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
180.	Nguyễn Trọng Quyết	Thiếu úy CN	Thợ sửa chữa, Xưởng sửa chữa xe Du lịch, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2004	Xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
181.	Trần Đức Nhân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
182.	Nguyễn Thị Bích Xoan	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1963	9/1985	Xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
183.	Kiều Thị Nhâm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	11/1987	Xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
184.	Nguyễn Thị Thanh Dung	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1989	Xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

185.	Ninh Thị Xuân	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Đào tạo, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1964	12/1987	Phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
186.	Đinh Thị Yên	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Đào tạo, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	12/1987	Xã Nhật Quang, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
187.	Lê Quyết Tiến	Đại úy	Phó Trưởng phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1981	3/2001	Xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
188.	Nguyễn Văn Khánh	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Tổ chức lao động, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2000	Xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
189.	Trần Xuân Cường	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1963	02/1988	Xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
190.	Nguyễn Minh Tuấn	Thiếu úy	Thợ Sửa chữa ô tô, Phân xưởng Cơ điện, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2001	Xã Yên Ninh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
191.	Phạm Trần Hải	Thiếu tá	Trợ lý kỹ thuật, Phân xưởng Gia công nóng, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1972	10/1989	Xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
192.	Tạ Văn Phúc	Thượng úy	Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1968	4/1988	Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
193.	Lê Khả Tuấn	Trung úy	Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2001	Xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
194.	Lê Huy Kiên	Trung úy	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2000	Xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
195.	Nguyễn Đức Toàn	Thiếu úy	Thợ Sửa chữa quang học, Phân xưởng sửa chữa khí tài Quang học, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/2001	Xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
196.	Nguyễn Anh Tuấn	Trung úy	Trợ lý Kỹ thuật, Phân xưởng sửa chữa Pháo cao xạ, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2000	Phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
197.	Trần Hồng Thái	Đại úy	Trợ lý Kỹ thuật, Phân xưởng sửa chữa Pháo mặt đất, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
198.	Phạm Lê Quân	Trung úy	Phó Quản Đốc Phân xưởng Cơ khí chính xác, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1982	9/2000	Xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
199.	Phạm Gia Quyết	Thượng úy	Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa khí tài, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1982	9/2001	Xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
200.	Cao Tiến Dũng	Thiếu tá	Nhân viên, Phòng Kiểm nghiệm, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1966	01/1986	Xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
201.	Nguyễn Văn Thuật	Thượng tá	Trợ lý, Phòng Tài chính, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986	Xã Văn Nhân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

202.	Nguyễn Thị Sinh	Đại úy	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
203.	Nguyễn Thị Thái Huyền	Đại úy	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/1994	Xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
204.	Nguyễn Thị Tuyết Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1968	12/1990	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
205.	Nguyễn Thị Yến	Thiếu tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1963	11/1983	Xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
206.	Nguyễn Văn Dịu	Đại úy	Trợ lý, Ban chính trị, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1997	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
207.	Nhữ Thị Ánh	Thiếu tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1962	8/1983	Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
208.	Phạm Thị Hiền	Trung úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 18, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	01/1998	Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
209.	Phạm Thị Thanh Ngộ	Trung tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1968	7/1985	Xã Liên Minh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
210.	Phạm Trường Giang	Trung úy	Chính trị viên phó Tiểu đoàn 18, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	01/1998	Xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
211.	Phan Công Tráng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 18, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1970	02/1988	Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
212.	Phan Văn Hạnh	Thượng úy	Trợ lý, Ban Hậu cần, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	3/1997	Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
213.	Phùng Thị Hạnh	Thượng úy CN	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Sen Chiêu, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
214.	Phùng Tuấn Quyết	Trung úy	Phụ trách Ban Tài chính, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1978	11/1996	Xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
215.	Phùng Văn Lực	Đại úy	Phân đội trưởng Đội Huấn luyện 1, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1997	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
216.	Trần Minh Thông	Thượng úy	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/1997	Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
217.	Trần Tuấn Anh	Đại úy	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1974	02/1996	Xã Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

218.	Trần Văn Sinh	Trung tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1963	3/1983	Xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
219.	Trần Xuân Lợi	Đại úy CN	Trợ lý Phòng Quân huấn Nhà trường, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1979	3/1999	Xã Khái Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
220.	Vương Thị Thanh	Thượng úy CN	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
221.	Trần Hữu Công	Trung úy CN	Nhân viên Bảo tàng Vũ khí, Cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2002	Xã Yên Giả, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
222.	Hoàng Trung Thịnh	Trung úy CN	Nhân viên Bảo tàng Vũ khí, Cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/2002	Xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
223.	Trần Đình Nhã	Trung úy CN	Nhân viên Trạm sửa chữa, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	7/2002	Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
224.	Ngô Thế Huy	Thượng úy CN	Nhân viên Bảo vệ K10, ban Hậu cần, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
225.	Lê Thị Thu Hà	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân kho K9, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
226.	Nguyễn Trung Toàn	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân đội Bảo vệ, Phân kho K9, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
227.	Bùi Trung Kiên	Thượng úy CN	Phó phân đội trưởng, phân đội Cận vụ bốc xếp, Phân kho K9, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
228.	Lê Quang Thắng	Thượng úy CN	Nhân viên, Thống kê Kế hoạch, Phân kho K9, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
229.	Ngô Thị Thảo	Trung úy CN	Nhân viên nuôi quân, ban Hậu cần, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
230.	Phạm Văn Thuởng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội bảo quản, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
231.	Dương Văn Hân	Thượng úy CN	Trợ lý Chính trị, Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
232.	Hoàng Phạm Hưng	Thượng úy CN	Lái xe, Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2003	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
233.	Lương Nhật Tân	Thượng úy CN	Phó Trạm trưởng, Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2003	Xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
234.	Trương Tấn Anh	Thượng úy CN	Lái xe, Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Bình Minh, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

235.	Lê Đình Cường	Thượng úy	Trợ lý Chính trị, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
236.	Hoàng Quốc Túy	Thượng úy CN	Thợ sản xuất, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
237.	Phạm Hồng Thắng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Mỹ Xá, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
238.	Nguyễn Văn Cường	Thượng úy CN	Nhân viên Phòng thí nghiệm TP-TN, Trung tâm Thí nghiệm-Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
239.	Trần Xuân Khanh	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Tài chính, Trung tâm Thí nghiệm - Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
240.	Trần Thị Hà	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Trung tâm Thí nghiệm - Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
241.	Trần Đình Hoà	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Trung tâm Thí nghiệm - Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1969	6/2003	Xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
242.	Phạm Quốc Dân	Thượng úy CN	Nhân viên Kỹ thuật, Trung tâm Thí nghiệm - Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
243.	Phạm Minh Quang	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kiểm nghiệm VK, Trung tâm Thí nghiệm - Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
244.	Nguyễn Đình Hạnh	Thượng úy	Trợ lý Kỹ thuật, Trung tâm Thí nghiệm - Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	09/2002	Xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
245.	Lê Anh Khánh	Thượng úy CN	Phó đội trưởng Đội BQ2, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
246.	Phạm Văn Trí	Thượng úy CN	Tổ trưởng, Đội Cán vụ-Bóc xếp, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
247.	Triệu Đức Thành	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội CV-BX, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Quỳnh Xuân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
248.	Đàm Ngọc Toàn	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội CV-BX, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
249.	Luyện Ngọc Hưng	Thượng úy CN	Tổ trưởng, Đội Bảo quản 2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

250.	Ngô Xuân Dung	Thượng úy CN	Thủ kho Đạn, Đội Bảo quản 1, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
251.	Lê Văn Thành	Thượng úy CN	Thủ kho Đạn, Đội Bảo quản 1, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Đông Quang, huyện Đông Hung, tỉnh Thái Bình
252.	Nguyễn Thanh Sơn	Thượng úy CN	Nhân viên Lái xe, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
253.	Nguyễn Duy Kiên	Thượng úy CN	Phó Đội trưởng xây dựng, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2003	Xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
254.	Trần Thế Công	Thượng úy CN	Nhân viên Trạm sửa chữa, Kho K890, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
255.	Vũ Văn Hương	Thượng úy CN	Phó đội trưởng, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2002	Xã Tràng An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
256.	Thái Đắc Nam	Thượng úy CN	Nhân viên hóa nghiệm, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	3/2003	Xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
257.	Nguyễn Duy San	Thượng úy CN	Nhân viên hóa nghiệm, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
258.	Nguyễn Văn Học	Thượng úy CN	Nhân viên hóa nghiệm, Trung tâm KĐDD T263, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang
259.	Đoàn Xuân Đồng	Thượng úy CN	Phó Đội trưởng, Đội Cận vụ-Bóc xếp, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
260.	Nguyễn Văn Mâu	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2003	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
261.	Bùi Văn Lãng	Thượng úy CN	Lái xe, Ban Kế hoạch, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
262.	Phạm Thu Hiền	Thượng úy CN	Nhân viên thông tin, Ban Kế hoạch, Kho KV4, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Hải Long, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
263.	Lương Đình Tài	Thượng úy CN	Nhân viên hóa nghiệm, Trung tâm Kiểm định Đạn dược T265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
264.	Bùi Văn Thuận	Thượng úy CN	Phó Trạm trưởng, Trạm Sửa chữa, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2003	Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
265.	Đỗ Đình Anh	Thượng úy	Trợ lý Chính trị, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
266.	Trương Văn Quỳnh	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Yên Hồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

267.	Trương Xuân Nga	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
268.	Nguyễn Công Lượng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Tu bổ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
269.	Phạm Xuân Thái	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bóc xếp, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
270.	Nguyễn Thị Mỹ Bình	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	3/2003	Xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
271.	Hoàng Đức Diệu	Thượng úy CN	Nhân viên Quân y, Ban Hậu cần, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/2003	Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
272.	Phan Văn Hùng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
273.	Nguyễn Thanh Tuấn	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/2003	Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
274.	Lê Thị Hiệu	Thượng úy CN	Nhân viên Xưởng BDSC, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
275.	Lưu Thị Hoàng Minh	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bóc xếp, Kho V30, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	12/2003	Xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
276.	Nguyễn Hồng Dương	Thượng úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
277.	Nguyễn Đức Thịnh	Thượng úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2003	Xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
278.	Phạm Văn Bình	Thượng úy CN	Đội trưởng Đội Bảo vệ, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Đông Quan, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
279.	Nguyễn Ngọc Lâm	Thượng úy CN	Đội trưởng Đội Bảo quản 2, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2002	Xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
280.	Âu Thanh Tuấn	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2002	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
281.	Nguyễn Tam Bình	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bóc xếp, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/2003	Xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
282.	Lê Văn Tuấn	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
283.	Đỗ Quang Trung	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	9/2002	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

284.	Nguyễn Viết Phúc	Thượng úy	Tổ trưởng Tổ xe, Ban Kế Hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Cẩm Huy, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
285.	Nguyễn Văn Giang	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Thanh Hưng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
286.	Đặng Văn Chuyên	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
287.	Hà Văn Hiếu	Thượng úy	Chính trị viên Cảnh vệ, Kho KC84, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
288.	Bùi Thị Xuân Lan	Thượng úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho KC84, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/2002	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
289.	Lê Văn Phụng	Thượng úy	Tổ phó, Trạm Sửa chữa, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
290.	Nguyễn Thành Long	Thượng úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
291.	Nguyễn Xuân Tấn	Thượng úy CN	Tổ trưởng, Trạm Sửa chữa, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
292.	Trần Xuân Chiến	Thượng úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Quỳnh Xuân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
293.	Đinh Văn Cương	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
294.	Nguyễn Viết Hưng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Tu bổ Doanh trại, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
295.	Nguyễn Kim Định	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Tu bổ Doanh trại, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Nghĩa Hòa, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
296.	Võ Văn Anh	Thượng úy CN	Thủ kho Đội Bảo quản 1, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
297.	Nguyễn Duy Hưng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Yên Thọ, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
298.	Trần Văn Cường	Thượng úy	Phó phân đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
299.	Đoàn Văn Sơn	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hoàng Thạch, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
300.	Phạm Văn Hà	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

301.	Nguyễn Duy Long	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
302.	Vũ Tuấn Huân	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cần vụ-Bốc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
303.	Lê Danh Bảy	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Tu bổ Doanh trại, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
304.	Nguyễn Bảo Thanh	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2003	Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
305.	Trần Văn Kiên	Thượng úy CN	Thủ kho Đội Bảo quản Vũ khí, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
306.	Mai Xuân Châu	Thượng úy CN	Thủ kho Đội Bảo quản Vũ khí, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
307.	Nguyễn Văn Quang	Thượng úy CN	Thủ kho Đội Bảo quản Vũ khí, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Dũng Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
308.	Nguyễn Văn Cường	Thượng úy	Tổ trưởng Tổ Thông tin, Ban Kế Hoạch, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
309.	Lê Văn Tuất	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Tiên Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
310.	Vũ Chung Hiếu	Thượng úy CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
311.	Phạm Đình Hưng	Thượng úy CN	Tổ trưởng, Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
312.	Lưu Trí Hợi	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
313.	Nguyễn Công Truyền	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo quản Tăng Thiết giáp, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
314.	Võ Hà Phong	Thượng úy CN	Tổ trưởng, Đội Bảo quản Tăng Thiết giáp, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hoàng Thanh, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
315.	Nguyễn Quang Việt	Thượng úy	Trợ lý An Toàn, Ban Kỹ thuật, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2003	Phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
316.	Dương Văn Hùng	Thượng úy CN	Nhân viên, Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
317.	Vũ Thế Cảnh	Thượng úy CN	Thợ Sửa chữa Khí tài Quang học, Xưởng Bảo dưỡng, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

318.	Lê Hùng Cường	Thượng úy CN	Nhân viên Lái xe, Ban Kế hoạch, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
319.	Đinh Viết Kiên	Thượng úy CN	Nhân viên Văn thư, Ban Kế hoạch Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
320.	Trương Văn Trung	Thượng úy CN	Nhân viên lái xe, Ban Kế hoạch, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/2003	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
321.	Lê Thị Minh	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
322.	Nguyễn Thị Hoa	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
323.	Trần Hậu Công	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
324.	Nguyễn Văn Tuấn	Thượng úy	Đội phó Đội Bảo vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
325.	Nguyễn Chí Thành	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	3/2003	Xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
326.	Trần Tiến Thoi	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	3/2003	Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
327.	Phan Văn Lâm	Thượng úy CN	Nhân viên Thông tin, Ban Kế hoạch, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	3/2003	Xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
328.	Trần Sỹ Mạnh	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa đạn, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
329.	Hồ Đức Nghiệp	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa đạn, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
330.	Trần Quốc Diệu	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa đạn, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
331.	Đặng Thị Việt	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	01/2003	Xã Minh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
332.	Nguyễn Văn Thọ	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân xưởng Cơ điện, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
333.	Trần Văn Nam	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân xưởng Cơ điện, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
334.	Nguyễn Văn Dương	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân xưởng Cơ điện, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	3/2003	Xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

335.	Phan Thế Huy	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa đạn, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
336.	Chu Văn Lý	Thượng úy CN	Nhân viên thống kê Ban Kỹ thuật, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
337.	Trần Ngọc Hùng	Thượng úy CN	Nhân viên thống kê Ban Kế hoạch, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
338.	Đinh Hồng Hà	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa đạn, Xưởng X265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Vực Trường, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
339.	Nguyễn Quyền Thế	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân đội Cận vụ, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
340.	Hoàng Thu Hương	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
341.	Bạch Thùy Quân	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân đội Bảo vệ, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
342.	Nguyễn Công Hưng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
343.	Phạm Tiến Tú	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân đội Bảo vệ, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
344.	Nguyễn Quang Huy	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân đội Bảo vệ, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
345.	Nguyễn Hữu Tiến	Thượng úy CN	Nhân viên, Trạm Sửa chữa, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	02/2003	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
346.	Phùng Văn Hòa	Thượng úy	Chính trị viên, Đội Cảnh vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
347.	Đào Văn Thùy	Thượng úy	Phó đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2002	Xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
348.	Nguyễn Ngọc Quang	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/2002	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
349.	Nguyễn Quý Thế	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K680, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
350.	Bùi Khắc Tuyền	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K680, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
351.	Trần Duy Đông	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Tu bổ, Kho K680, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2003	Xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

352.	Vũ Đức Quỳnh	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kế hoạch, Kho K680, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2002	Xã Hà Hải, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
353.	Dương Đình Tuấn	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho K680, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2002	Xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
354.	Lê Thanh Tùng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội tu bổ, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
355.	Hoàng Sỹ Thiện	Thượng úy CN	Nhân Viên Xưởng BDSC, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
356.	Phạm Thanh Tuấn	Thượng úy CN	Nhân Viên Xưởng BDSC, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
357.	Trần Văn Bồi	Thượng úy	Trợ lý, Ban Kế hoạch, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2003	Xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
358.	Vũ Văn Hoà	Thượng úy	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
359.	Nguyễn Văn Sự	Thượng úy	Phân đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
360.	Hoàng Tuấn Vũ	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
361.	Hoàng Duy Kiêm	Thượng úy CN	Nhân viên Xưởng BDSC, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1973	4/2003	Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
362.	Đặng Xuân Tuyên	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Hợp Thịnh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình
363.	Vương Mạnh Cường	Thượng úy CN	Nhân viên, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
364.	Nguyễn Viết Thịnh	Thượng úy CN	Nhân viên, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
365.	Trần Mạnh Hùng	Thượng úy CN	Nhân viên, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
366.	Lỗ Mạnh Cường	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân xưởng Sửa chữa Dạn, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
367.	Đặng Tất Dương	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân xưởng Cơ điện, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
368.	Vũ Minh Đức	Thượng úy CN	Nhân viên, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Tân Minh, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

369.	Đông Ngọc Hùng	Thượng úy	Trợ lý quân lực, Ban Kế hoạch, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
370.	Nguyễn Thành Trung	Thượng úy	Trợ lý, Ban Hậu cần, Xưởng X264, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	9/2002	Xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
371.	Vũ Đức Huỳnh	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
372.	Nguyễn Văn Giang	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2003	Xã Đông Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
373.	Nguyễn Hữu Hà	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
374.	Đinh Văn Linh	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K834, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
375.	Phạm Thị Thu Hường	Thượng úy CN	Nhân viên Văn thư, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
376.	Phạm Văn Duẩn	Thượng úy CN	Nhân viên Thông tin, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
377.	Lê Trọng Phòng	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
378.	Lê Văn Vinh	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội bảo vệ, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	02/2003	Xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
379.	Nguyễn Việt Anh	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
380.	Nguyễn Xuân Phú	Thượng úy CN	Nhân viên, Đội Bảo vệ, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2003	Xã Phương Đô, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

✍

III. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG HẠNG BA

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, Đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Đơn vị - Quê quán
1.	Cao Đại Đồng	Thượng úy	Trợ lý, Trung tâm Kiểm định 01, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2005	Xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
2.	Lê Hồng Long	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Tài chính, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/1996	Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
3.	Nguyễn Văn Thuật	Thượng tá	Trợ lý, Phòng Tài chính, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986	Xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
4.	Trần Xuân Lợi	Đại úy	Trợ lý, Phòng Quân huấn Nhà trường, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1979	3/1999	Xã Khai Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
5.	Nguyễn Hữu Hưng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Bảo tàng Vũ khí, Cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2004	Xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
6.	Phùng Tiến Thực	Đại úy CN	Nhân viên Xưởng in, Cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật	1974	01/2007	Xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
7.	Vũ Sơn Tùng	Trung úy	Trợ lý, Trung tâm Thí nghiệm-Lưu mẫu, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
8.	Đỗ Quang Tuyến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật Vật tư, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1964	10/1984	Xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
9.	Kiều Thị Nhâm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	11/1987	Xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
10.	Nguyễn Thị Bích Xoan	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1963	9/1985	Xã Hà Linh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
11.	Nguyễn Thị Thanh Dung	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/1989	Xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
12.	Nguyễn Trọng Lân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật Vật tư, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986	Xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
13.	Vũ Thị Hạ	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1985	Xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
14.	Vũ Thị Hồng Thuý	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	02/2004	Xã Nhật Quang, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
15.	Nguyễn Văn Dị	Đại úy	Trợ lý, Ban chính trị, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1997	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

16.	Lưu Vĩnh Hà	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
17.	Ngô Quang Khánh	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân xưởng May Trang cụ, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2008	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
18.	Hoàng Đình Ánh	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	10/2007	Xã Đông Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
19.	Phan Hoàng Sơn	Trung úy	Phân đội trưởng, Đội Cảnh vệ, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
20.	Vũ Mạnh Linh	Trung úy CN	Nhân viên Lái máy, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
21.	Đào Thanh Tùng	Trung úy CN	Nhân viên Lái máy, Tiểu đoàn 743, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
22.	Trần Quang Tuấn	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Trung tâm Kiểm định Đạn dược T265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
23.	Võ Văn Đạt	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Trung tâm Kiểm định Đạn dược T265, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
24.	Trương Văn Ngọc	Trung úy CN	Trợ lý Ban Hậu cần, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2008	Xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
25.	Nguyễn Văn Thắng	Trung úy CN	Phân đội trưởng, Đội Cảnh vệ, Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Đông Tân, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
26.	Võ Tiến Giáp	Trung úy CN	Nhân viên Văn thư bảo mật, Kho KC84, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Thọ Duyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
27.	Trần Quốc Sỹ	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Kế hoạch, Kho KC84, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	6/2007	Xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
28.	Lê Phú Tùng	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Hậu cần, Kho K864, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2008	Xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
29.	Đặng Cao Nguyên	Trung úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Khải Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
30.	Nguyễn Xuân Dũng	Trung úy CN	Lái xe, Ban Kế hoạch, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
31.	Ngô Quang Sỹ	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2007	Xã Phượng Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

32.	Hoàng Đình Kiên	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu Cần, Kho K866, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1986	10/2007	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
33.	Vũ Chiến Khu	Trung úy CN	Nhân viên, Đội Cảnh vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
34.	Nguyễn Hồng Giang	Trung úy	Trợ lý Chính trị, Phân kho KB, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
35.	Nguyễn Ngọc Hưng	Trung úy CN	Phân đội trưởng, Đội Bảo vệ, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
36.	Nguyễn Bảo Trung	Trung úy	Trợ lý, Tác chiến, Ban Kế hoạch, Kho KV2, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2007	Xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
37.	Nguyễn Thuỷ Dung	Trung úy CN	Nhân viên quân y, Ban Hậu cần, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2007	Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
38.	Nguyễn Hoàng Anh	Trung úy CN	Trợ lý Hậu cần, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
39.	Đỗ Văn Thọ	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho K802, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
40.	Đới Sỹ Hưng	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hành chính, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2008	Phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
41.	Đào Việt Dũng	Trung úy CN	Nhân viên bảo mật, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2008	Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
42.	Thân Văn Ngọc	Trung úy CN	Nhân viên quân y, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2008	Xã Nghi Đức, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
43.	Lục Văn Long	Trung úy CN	Nhân viên cảnh vệ, Kho KV1, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	10/2007	Xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
44.	Nguyễn Hoàng Xuân Vĩnh	Trung úy CN	Nhân viên đội Bảo vệ, Kho K852, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Bạch Đằng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
45.	Nguyễn Văn Dẫn	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Kế hoạch, Kho K812, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2008	Xã Thiệu Văn, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
46.	Hồ Thị Thanh Huyền	Trung úy CN	Nhân viên, Đội Tu bổ, Kho K812, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	4/2008	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
47.	Nguyễn Đức Công	Trung úy CN	Nhân viên đội Bảo vệ, Kho K834 Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
48.	Đặng Văn Cường	Trung úy CN	Phân đội trưởng phân đội 2, Đội Cảnh vệ, Kho K816, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

49.	Vũ Thành Nam	Trung úy CN	Nhân viên, Cảnh vệ, Kho K894, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
50.	Hà Văn Ý	Trung úy CN	Trung đội trưởng Trung đội 1, Đại đội 1, kho J258, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2005	Xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
51.	Đỗ Thị Thuý	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho KT789, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1979	4/2008	Xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
52.	Hoàng Văn Tuyền	Trung úy CN	Nhân viên Bảo quản, Phân kho A, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2007	Xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
53.	Ngô Văn Hùng	Trung úy CN	Quản lý, Ban Hậu cần, Xưởng X1, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng Cục Kỹ thuật	1988	02/2007	Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
54.	Hoàng Ngọc Vinh	Trung úy CN	Thợ Sửa chữa, Phân xưởng Sửa chữa Thiết giáp lớp, Xưởng X1, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2007	Xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
55.	Lê Xuân Cường	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu, Xưởng X1, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa
56.	Trần Minh Kiên	Trung úy CN	Lái xe ô tô, Ban Kỹ thuật, Xưởng X1, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
57.	Phạm Văn Việt	Trung úy CN	Nhân viên xăng dầu, Tiểu đoàn 2, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1985	3/2007	Xã Tri Lễ, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
58.	Nguyễn Văn Phú	Trung úy CN	Nhân viên xăng dầu, Tiểu đoàn 2, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1985	3/2007	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
59.	Trần Văn Vương	Trung úy CN	Nhân viên bảo quản, Tiểu đoàn 2, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2007	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
60.	Huỳnh Văn Thu	Đại úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	5/1995	Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
61.	Nguyễn Nam Duy	Thiếu úy CN	Nhân viên, phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2006	Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
62.	Nguyễn Ngọc Khoản	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
63.	Nguyễn Ngọc Tâm	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
64.	Nguyễn Quốc Việt	Thiếu tá	Phụ trách ban Kế hoạch, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Xã Tùng Anh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

65.	Nguyễn Thị Hà	Đại úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	7/2003	Xã Tân Thới, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
66.	Nguyễn Thị Hồng Mẫn	Đại úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
67.	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật Công nghệ, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	8/1998	Xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
68.	Nguyễn Thị Nhện	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
69.	Nguyễn Thị Sinh	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Hành chính - Hậu cần, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	10/1985	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
70.	Nguyễn Thị Thanh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Mỹ Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
71.	Nguyễn Thị Thảo	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
72.	Nguyễn Thị Thung	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
73.	Nguyễn Thu Nguyễn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
74.	Nguyễn Tiến Hùng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	8/2003	Xã Yên Nội, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
75.	Nguyễn Tiến Long	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
76.	Nguyễn Trí Đức	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
77.	Nguyễn Trung Đức	Trung úy	Trợ lý, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2001	Xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
78.	Nguyễn Trung Hiếu	Trung úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	7/2004	Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
79.	Nguyễn Tuấn Anh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	9/2004	Phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
80.	Nguyễn Văn An	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

81.	Nguyễn Văn Bá	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
82.	Nguyễn Văn Bảy	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	7/2003	Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
83.	Nguyễn Văn Bình	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Hiệp Mỹ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
84.	Nguyễn Văn Chính	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hành chính Hậu cần, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Vĩnh Châu, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ
85.	Nguyễn Văn Cường	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Phường Thái Bình, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình
86.	Nguyễn Văn Đẹp	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
87.	Nguyễn Văn Đông	Thiếu tá	Nhân viên, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	3/2004	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
88.	Nguyễn Văn Giàu	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
89.	Nguyễn Văn Hải	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
90.	Nguyễn Văn Hân	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
91.	Nguyễn Văn Hanh	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	7/2003	Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
92.	Nguyễn Văn Hoàng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/2004	Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
93.	Nguyễn Văn Hồng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
94.	Nguyễn Văn Hùng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
95.	Nguyễn Văn Hưng	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
96.	Nguyễn Văn Huy	Thiếu tá	Phó ban Kế hoạch, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2007	Xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang
97.	Nguyễn Văn Mau	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

98.	Nguyễn Văn Ngọt	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
99.	Nguyễn Văn Phước	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
100.	Nguyễn Văn Sang	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Phú Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
101.	Nguyễn Văn Sót	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
102.	Nguyễn Văn Tài	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
103.	Nguyễn Văn Thái	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
104.	Nguyễn Văn Tháp	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
105.	Vũ Thị Bưởi	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
106.	Vũ Thị Thoa	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
107.	Vũ Văn Tuyền	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
108.	Nguyễn Bình	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế
109.	Nguyễn Cảnh Hồng	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
110.	Nguyễn Chí Phong	Thượng úy	Trợ lý, phòng Kỹ thuật Công nghệ, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1985	12/2006	Xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
111.	Nguyễn Chính Lý	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
112.	Nguyễn Công Chính	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Tam Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An

113.	Nguyễn Công Toàn	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
114.	Nguyễn Đình Mười	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Thạch Bình, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
115.	Nguyễn Đình Thông	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
116.	Nguyễn Đức Hiên	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
117.	Nguyễn Đức Hiên	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Phước Long Thọ, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
118.	Nguyễn Đức Thịnh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
119.	Nguyễn Đức Tien	Trung úy	Trợ lý, Xí nghiệp Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1981	3/2007	Xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
120.	Nguyễn Hải Nam	Đại úy	Phụ trách ban Kế hoạch, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	01/2006	Xã Lương Hoà Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
121.	Nguyễn Hữu Bạt	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	9/2004	Xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
122.	Nguyễn Hữu Pho	Đại úy CN	Nhân viên, phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
123.	Nguyễn Minh Thắng	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Chính trị, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
124.	Nguyễn Như Hải	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
125.	Nguyễn Nhựt Tân	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Long Phụng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
126.	Nguyễn Quang Hòa	Đại úy	Trợ lý, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	7/2003	Xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
127.	Nguyễn Quang Hưng	Thiếu úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

128.	Nguyễn Quang Vũ	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Vũ Văn, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
129.	Nguyễn Quốc Huân	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Yên Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
130.	Nguyễn Quốc Linh	Thiếu tá	Quản đốc, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2003	Xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
131.	Nguyễn Sơn Hải	Thượng úy	Trợ lý, phòng Tài chính Kế toán, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2005	Phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
132.	Nguyễn Tấn Vinh	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
133.	Nguyễn Thái Như Hùng	Trung úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2005	Xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
134.	Nguyễn Thái Trung	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
135.	Nguyễn Thanh Hà	Đại úy	Phó Quản đốc, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1980	7/2003	Xã Tịnh An, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
136.	Nguyễn Thanh Hoàng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	8/2003	Xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp
137.	Nguyễn Thế Cường	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
138.	Nguyễn Thị Bạch Yến	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
139.	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
140.	Nguyễn Thị Chinh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
141.	Nguyễn Thị Định	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
142.	Nguyễn Thị Đợi	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
143.	Nguyễn Thị Đủ	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

47

144.	Nguyễn Thị Hằng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
145.	Nguyễn Thị Hoa Nhi	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Vật tư, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Phường Phường Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
146.	Nguyễn Thị Hoài	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Kim Bình, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
147.	Nguyễn Thị Hồng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Đông Thanh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
148.	Hồ Sỹ Thòa	Trung úy	Trợ lý, Xí nghiệp Kim khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1980	3/2007	Xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
149.	Huỳnh Sà Mươi	Thiếu úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2005	Xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
150.	Lâm Chiêu Quân	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Vận tải, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	7/2004	Xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
151.	Lê Ngọc Thành	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
152.	Lê Như Lâm	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
153.	Lê Tiến Dũng	Thiếu tá	Nhân viên, Xí nghiệp Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	3/2004	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
154.	Mai Văn Chan	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
155.	Mai Văn Cường	Thiếu úy	Nhân viên, Phân kho Dự trữ quốc gia, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	2/2002	Xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
156.	Ngô Sỹ Thái	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
157.	Ngô Thị Kim Ngân	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Đông Khê, huyện Đuan Hùng, tỉnh Phú Thọ
158.	Ngô Thị Thúy Hường	Đại úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	7/2003	Xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
159.	Ngô Thị Xinh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

160.	Nguyễn Anh Mai	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
161.	Nguyễn Bá Ngọc	Thiếu úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2001	Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
162.	Biện Hữu Đức	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
163.	Bùi Duy Giang	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Văn Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
164.	Bùi Quang Nam	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
165.	Bùi Quang Trung	Trung úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/1997	Xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
166.	Bùi Văn Hiếu	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
167.	Bùi Văn Hoà	Trung úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2004	Xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
168.	Bùi Xuân Lâm	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
169.	Cao Phi Cương	Trung úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1983	9/2003	Xã Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
170.	Cao Văn Thấu	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
171.	Chu Thị Phụng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
172.	Đặng Ngọc Phước	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Hòa Mỹ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
173.	Đặng Thanh Long	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
174.	Đặng Văn Hải	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
175.	Đào Hữu Phú	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Nghĩa Ninh, huyện Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

176.	Đào Thanh Loan	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
177.	Đào Văn My	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
178.	Đào Văn Sơn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
179.	Đào Việt Anh	Thiếu úy CN	Nhân viên, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2003	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
180.	Đào Xuân Thương	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã An Thới, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre
181.	Diêm Đăng Quý	Thiếu tá	Phó ban Kế hoạch, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Lam Cốt, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
182.	Đinh Hiệp Hào	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
183.	Đinh Thị Hương	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
184.	Đỗ Chí Tám	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
185.	Đỗ Kim Hoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
186.	Đỗ Phúc Soái	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
187.	Đỗ Thị Hương	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
188.	Đỗ Thị Lệ Hằng	Thượng úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	3/1996	Xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
189.	Đỗ Thị Thanh Hằng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Phường Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
190.	Đỗ Văn Nam	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
191.	Đỗ Văn Oí	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

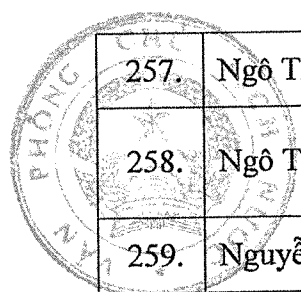
192.	Đỗ Văn Tiệp	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
193.	Đỗ Văn Tú	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
194.	Đoàn Quý Đức	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
195.	Đoàn Trí Đức	Đại úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	6/1996	Xã Phúc Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
196.	Đoàn Văn Bình	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
197.	Đồng Minh Khải Hoàn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
198.	Đồng Văn Diệm	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
199.	Dương Văn Hoàng	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
200.	Hà Công Trung	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
201.	Hà Minh Dũng	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/1996	Xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
202.	Hà Tấn Thành	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
203.	Hà Thị Huyền	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
204.	Hà Văn Đồng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
205.	Hà Văn Thìn	Thiếu tá	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/2004	Xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
206.	Hồ Đức Hoà	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
207.	Hồ Văn Hoàng	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Trung An, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

208.	Hoàng Lê Phước	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	9/2004	Xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
209.	Hoàng Quốc Nghi	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
210.	Hoàng Thị Oanh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
211.	Hoàng Trọng Hưng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
212.	Hoàng Văn Kiên	Trung úy	Trợ lý, Xí nghiệp Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/2007	Xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
213.	Hoàng Văn Quang	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Máy điện, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	8/1995	Xã Đông Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
214.	Hoàng Văn Tiến	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
215.	Hoàng Xuân Đức	Thiếu úy	Công nhân, Xí nghiệp Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1986	3/2007	Xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
216.	Huỳnh Ngọc Chánh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
217.	Huỳnh Phi Long	Thiếu tá	Phó Quản đốc, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/2001	Phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
218.	Khuất Năng Văn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1971	12/2006	Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
219.	Lã Văn Tuấn	Thiếu úy	Trợ lý, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1985	3/2007	Xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
220.	Lâm Thị Hạnh Phúc	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Khánh Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
221.	Lê Hải Sơn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
222.	Lê Minh Thuận	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1980	7/2003	Xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
223.	Lê Minh Tú	Thượng úy	Trưởng ban Kỹ thuật, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	7/2003	Xã Long Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
224.	Lê Thái Nam	Thiếu úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2006	Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

225.	Lê Thành Chung	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
226.	Lê Thanh Tuấn	Thiếu úy	Trợ lý, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2004	Xã Minh Châu, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
227.	Lê Thị Hoa	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Yên Thành, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
228.	Lê Thị Huê	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	7/2003	Xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
229.	Lê Thị Lan	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
230.	Lê Thị Tâm	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
231.	Lê Thị Thanh	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Tam Hiệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
232.	Lê Thị Toàn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
233.	Lê Văn Định	Thiếu tá CN	Nhân viên Xí nghiệp sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751	1978	12/2006	Xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
234.	Lê Văn Đỗ	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/2006	Xã Thới Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
235.	Lê Văn Mẫn	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1975	12/2006	Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
236.	Lê Văn Nhưông	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Phường 3, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
237.	Lê Văn Tám	Thiếu tá	Quản đốc, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/2004	Xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
238.	Lê Văn Thanh	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
239.	Lê Văn Thành	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	01/1996	Xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

78

240.	Lữ Thanh Tùng	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2006	Xã Xuân Lập, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
241.	Lương Vũ Sinh	Đại úy CN	Nhân viên, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
242.	Lương Xuân Long	Thượng úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2003	Xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
243.	Lưu Hữu Quốc	Thiếu úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2006	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
244.	Lưu Văn Đua	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội Vận tải, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	7/2004	Xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
245.	Lý Đức Cường	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cao su, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre
246.	Lý Văn Mạng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
247.	Mai Hữu Thư	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
248.	Mai Hữu Thự	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
249.	Mai Văn Gân	Thiếu tá CN	Nhân viên, phòng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
250.	Mai Văn Hoàng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1979	12/2006	Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
251.	Mai Xuân Tiến	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1974	12/2006	Xã Yên Giang, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
252.	Nghiêm Duy Hoàng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2006	Xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa
253.	Ngô Quang Tùng	Thiếu úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Tăng Thiết giáp, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
254.	Ngô Quang Vinh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Cơ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/2006	Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
255.	Ngô Tấn Đạt	Thiếu úy	Trợ lý, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2006	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
256.	Ngô Thanh Dương	Thượng úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Sửa chữa Vũ khí, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	10/1998	Xã Tân An, huyện Cần Đức, tỉnh Long An



257.	Ngô Thế Màng	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	7/2003	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
258.	Ngô Thị Dũng	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
259.	Nguyễn Văn Linh	Thiếu úy CN	Lái xe Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
260.	Đỗ Trọng Tự	Thiếu úy CN	Lái xe Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Cù Ván, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
261.	Phạm Trung Hiếu	Thiếu úy CN	Lái xe Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2008	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
262.	Nguyễn Văn Tư	Thiếu tá CN	Lái xe Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
263.	Nguyễn Hữu Tuấn	Thiếu úy CN	Thủ kho Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
264.	Đỗ Quốc Vương	Trung úy	Trợ lý Kế hoạch, Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
265.	Nguyễn Thành Khiêm	Thiếu úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
266.	Lâm Thị Quế	Đại úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần Đoàn 60, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/2007	Xã Diễn Chung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
267.	Cao Đức Cường	Trung úy	Phó đội trưởng, Đội BQ2, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
268.	Lê Văn Trọng	Trung úy CN	Nhân viên Đội Cảnh vệ, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Kỳ Thư, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
269.	Nguyễn Văn Phúc	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K882, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	8/2007	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
270.	Lê Văn Điệp	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K890, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
271.	Lê Thị Huệ	Trung úy CN	Nhân viên Ban Tài chính, Kho K890, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	4/2008	Xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
272.	Nguyễn Đức Hà	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
273.	Nguyễn Hoài Nam	Trung úy CN	Phân đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

274.	Bùi Xuân Thìn	Trung úy CN	Phân đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
275.	Nguyễn Thị Phương	Trung úy CN	Nhân viên Đội Cảnh vệ, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1986	4/2008	Phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng
276.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Trung úy CN	Nhân viên Ban Kế hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1986	4/2008	Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
277.	Bùi Đức Thiện	Trung úy CN	Nhân viên Ban Kế hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
278.	Nguyễn Hồng Hạnh	Trung úy CN	Nhân viên Ban Kế hoạch, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	4/2008	Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
279.	Lê Thị Lan	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1983	4/2008	Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
280.	Nguyễn Thị Hạnh	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	4/2008	Xã Thạch Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
281.	Nguyễn Thị Hòa	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	4/2008	Xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
282.	Nguyễn Thị Minh Tâm	Trung úy CN	Nhân viên Ban Tài chính, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	4/2008	Xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
283.	Nguyễn Thị La	Trung úy CN	Nhân viên Ban Tài chính, Kho K899, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1982	4/2008	Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
284.	Vũ Hoài Nam	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2007	Xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
285.	Nguyễn Đức Bình	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
286.	Lê Thị Hoài Thanh	Trung úy CN	Nhân viên Ban Tài chính, Kho K888, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	4/2008	Xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
287.	Trần Thị Lan Anh	Trung úy CN	Nhân viên Ban Kế hoạch, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	4/2008	Xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
288.	Nguyễn Thị Thảo	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	4/2008	Xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
289.	Lê Thị Nga	Trung úy CN	Nhân viên Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	4/2008	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
290.	Đỗ Thị Nguyễn	Trung úy CN	Nhân viên Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1984	4/2008	Xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

291.	Nguyễn Văn Thành	Trung úy CN	Nhân viên Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
292.	Ngô Thọ Huy	Trung úy CN	Nhân viên Đội Bảo quản Tăng Thiết giáp, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2008	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
293.	Nguyễn Đức Minh	Trung úy CN	Nhân viên Đội Bảo quản Tăng Thiết giáp, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2008	Xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định
294.	Phạm Bá Dũng	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
295.	Phạm Đình Thắng	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	09/2007	Xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
296.	Trần Xuân Trường	Trung úy CN	Nhân viên Xưởng BDSC, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1985	10/2007	Xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
297.	Đỗ Văn Chung	Trung úy CN	Phó đội trưởng Đội Bảo vệ, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
298.	Trần Quốc Huy	Trung úy CN	Phân đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K897, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Gia Hanh, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
299.	Nguyễn Tất Nhiên	Trung úy CN	Nhân viên Ban TMKH, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2008	Xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình
300.	Trần Thế Quang	Trung úy CN	Trợ lý kỹ thuật Ban kỹ thuật, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2007	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
301.	Phùng Thanh Hải	Trung úy CN	Nhân viên Đội Tu bổ, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1986	3/2007	Xã Hoa Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
302.	Hà Thanh Hiền	Trung úy CN	Nhân viên Đội Cần vụ, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2008	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
303.	Nguyễn Thị Hương	Trung úy CN	Nhân viên Cảnh vệ, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	12/2007	Xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
304.	Đinh Thị Sơn	Trung úy CN	Nhân viên Ban TMKH, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2007	Xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
305.	Phùng Thế Tiến	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1968	10/2007	Xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
306.	Võ Xuân Thu	Trung úy CN	Nhân viên Xưởng mộc máy, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2007	Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
307.	Lê Thị Hoàn	Trung úy CN	Nhân viên nhân viên Quân y, Kho K856, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/2007	Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

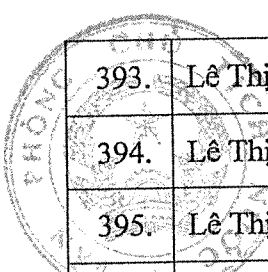
308.	Nguyễn Thị Thùy Linh	Trung úy CN	Nhân viên Bảo quản, Phân kho A, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1984	3/2007	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
309.	Nguyễn Công Bình	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
310.	Trần Ngọc Việt	Trung úy CN	Đội trưởng, Phân kho B, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
311.	Hồ Khắc Hạnh	Trung úy CN	Đội trưởng, Phân kho K1100, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
312.	Phạm Văn Sáng	Trung úy CN	Trợ lý Ban Tham mưu, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Thư Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
313.	Lê Thị Huy	Trung úy CN	Nhân viên Ban Hậu cần, Kho KT580, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1986	4/2008	Xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
314.	Lương Công Tùng	Trung úy CN	Trợ lý Tham mưu, Xưởng X201, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2007	Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
315.	Nguyễn Văn Đại	Trung úy CN	Đội trưởng Xưởng X201, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Lộc Tân, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
316.	Phạm Công Hiệp	Trung úy CN	Thợ sửa chữa Xưởng X201, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
317.	Nguyễn Anh Dũng	Trung úy CN	Đội trưởng Xưởng X201, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2008	Phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
318.	Hà Thanh Nga	CNVQP	Nhân viên, Ban Chính trị, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	4/2004	Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
319.	Lữ Đức Kỳ	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Vật tư, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Kỹ thuật	1964	12/1981	Xã Liêm Chính, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam
320.	Nguyễn Tiến Đức	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2007	Xã Thanh Bình, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
321.	Nguyễn Văn Bình	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1985	Xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
322.	Lê Ngọc Văn	Trung úy	Trợ lý, Phòng Cơ điện, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2006	Xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
323.	Nguyễn Văn Chương	Đại úy CN	Nhân viên, phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1972	01/2004	Xã Minh Tân, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
324.	Nguyễn Thị Hương	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Gầm xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1984	Xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội

325.	Nguyễn Thị Lan	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	8/1988	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
326.	Nguyễn Thị Minh	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Máy điện, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1985	Xã Vĩnh Sơn, huyện An Sơn, tỉnh Nghệ An
327.	Nguyễn Thị Nga	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1968	08/1988	Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
328.	Nguyễn Thị Phụng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1968	10/1988	Phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
329.	Nguyễn Thị Sinh	Thiếu tá CN	Công nhân, Xí nghiệp Gia công hàng Xuất khẩu, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1972	12/2006	Xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
330.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/1993	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
331.	Nguyễn Thu Thủy	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện - Dụng cụ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1985	Xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
332.	Nguyễn Văn Hải	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1966	12/1984	Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
333.	Nguyễn Văn Hợi	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hành chính - Hậu cần, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1973	1/2004	Xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
334.	Nguyễn Văn Huân	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hành chính - Hậu cần, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1963	12/1984	Xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
335.	Nguyễn Văn Khoa	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1984	Phường Văn Đức, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
336.	Nguyễn Văn Long	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật công nghệ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
337.	Nguyễn Văn Minh	Thiếu tá CN	Công nhân, phân xưởng sửa chữa Vỏ, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1971	10/1988	Xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
338.	Nguyễn Văn Nam	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Máy điện, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1975	3/2006	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
339.	Nguyễn Văn Nghĩa	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	02/1980	Xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
340.	Nguyễn Văn Phong	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vỏ, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	9/1988	Xã Phú Phương, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
341.	Vũ Thị Hà	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1985	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

342.	Vũ Thị Hoa	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1966	12/1985	Xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
343.	Vũ Thị Lan Anh	CVNQP	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151	1969	8/1988	Xã Xuân Thương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
344.	Vũ Thị Ngân	CVNQP	Công nhân, phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1974	01/2004	Xã Ngũ Lão, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
345.	Vũ Thị Ngọc Lan	Thiếu tá CN	Công nhân, phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1984	Xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
346.	Vũ Thị Thúy Hằng	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1968	01/1988	Xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
347.	Vũ Trọng Thơm	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/1979	Xã Trung Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
348.	Vũ Văn Sơn	CVNQP	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1975	3/2006	Xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
349.	Bùi Anh Đức	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2003	Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
350.	Lâm Thị Hà	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	8/1988	Xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
351.	Ngô Quang Hoàng	Đại úy CN	Công nhân, Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Liên hợp Z751, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
352.	Nguyễn Bá Huy	Trung tá CN	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật công nghệ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1966	12/1985	Xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
353.	Nguyễn Đức Cường	Trung tá	Phó Trưởng phòng Tổ chức lao động, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/2006	Xã Trung Đông, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định
354.	Nguyễn Đại Phong	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	3/2006	Phường Hoàng Diệu, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
355.	Nguyễn Đình Nhã	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1966	12/1984	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
356.	Nguyễn Đình Thiêm	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	11/1979	Xã Liêm Cầu, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
357.	Nguyễn Đức Thanh	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1963	12/1984	Phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
358.	Nguyễn Hồng Điệp	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Máy điện, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1984	Xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

359.	Nguyễn Hồng Phương	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	01/2004	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
360.	Nguyễn Hữu Huân	Đại úy	Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1984	8/2007	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
361.	Nguyễn Lệ	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	01/1978	Xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
362.	Nguyễn Quang Sáng	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1973	01/2014	Xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
363.	Nguyễn Sơn	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1959	01/1995	Xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ
364.	Nguyễn Thị Kim Ánh	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Kỹ thuật công nghệ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1981	03/2006	Xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
365.	Nguyễn Thị Hồng Hà	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1971	01/2004	Xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
366.	Nguyễn Thị Kim Thoan	Thiếu tá CN	Công nhân, phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/1985	Xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
367.	Nguyễn Thanh Tiếp	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2007	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
368.	Nguyễn Thị Hằng Nga	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1984	Xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
369.	Nguyễn Thị Hoa	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1964	10/1985	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
370.	Nguyễn Thị Huê	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1971	10/1988	Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
371.	Bùi Toàn Thắng	Đại úy CN	Công nhân, phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1972	10/1993	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
372.	Bùi Vũ Phong	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1972	9/1997	Xã Động Lâm, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
373.	Bùi Xuân Hoàng	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Tổ chức lao động, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/1993	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
374.	Cao Thị Loan	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vò, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/1987	Xã Tam Ngải, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
375.	Chu Hữu Lợi	Thiếu úy CN	Lái xe, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2004	Xã Vật Lại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

376.	Chu Mạnh Cường	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1980	3/2006	Xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
377.	Chu Thanh Hào	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện - Dụng cụ, Nhà máy Z151, TCKT	1971	3/2006	Xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
378.	Cồ Duy Hưng	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	10/1988	Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
379.	Cù Thị Nguyệt Nga	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	8/1988	Xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
380.	Đỗ Quang Thanh	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vỏ, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1972	01/1991	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
381.	Đỗ Thế Hiệp	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện - Dụng cụ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1963	01/1986	Xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
382.	Đỗ Thị Kim Lan	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện - Dụng cụ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1984	Xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
383.	Đỗ Thị Phượng	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Vật tư, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1981	3/2006	Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
384.	Đỗ Thị Thanh Thủy	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Tổ chức lao động, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1972	4/1997	Xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
385.	Đoàn Thị Liên	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện - Dụng cụ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1964	12/1987	Xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
386.	Đoàn Trọng Tuấn	Thượng úy	P. Quản đốc, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1988	09/2006	Xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
387.	Dương Thị Kim Thoa	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Hành chính - Hậu cần, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1964	7/1982	Xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
388.	Hà Thị Thu Hương	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Gầm xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1969	8/1988	Xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
389.	Hoàng Mạnh Phương	Trung úy CN	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1980	2/2001	Phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
390.	Hoàng Thị Tươi	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	8/1988	Xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
391.	Khuất Quang Tuấn	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1961	01/1981	Xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
392.	Lê Công Bảo	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vỏ, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	12/1979	Xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội



393.	Lê Thị Lược	CNVQP	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1974	4/1995	Xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
394.	Lê Thị Ngọc Hoa	Trung tá CN	Giáo viên mầm non, Phòng Hành chính - Hậu cần, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1971	10/1988	Phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
395.	Lê Thị Thu Bình	Đại úy CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ điện - Dụng cụ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1973	12/1993	Xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
396.	Lê Xuân Huy	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1974	9/1997	Xã Sông Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
397.	Ngô Thanh Trung	CVNQP	Công nhân, Phân xưởng Tổng, Tháo, Lắp, Sơn, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1972	9/1990	Xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
398.	Ngô Thị Kim Hoa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hành chính - Hậu cần, nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/1984	Xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
399.	Ngô Văn Tuấn	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1963	10/1988	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
400.	Nguyễn Bá Chức	Thiếu tá CN	Công nhân, phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	02/1980	Xã Thụy An, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
401.	Nguyễn Bá Hùng	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Cơ khí - Phục hồi, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	10/1979	Xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
402.	Đặng Cao Sơn	Trung tá	Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1973	11/1990	Xã Tân Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
403.	Đặng Ngọc Phương	Thiếu tá CN	Công nhân phân xưởng sửa chữa Vỏ, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	9/1979	Xã Yên Tân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
404.	Đào Văn Hồng	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng sửa chữa Vỏ, Thùng xe, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	02/1979	Xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
405.	Đinh Thị Huệ	Trung tá CN	Nhân viên, Phòng Vật tư, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1967	10/1985	Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
406.	Đỗ Hồng Kiên	Thiếu úy CN	Lái xe, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2006	Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
407.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2007	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
408.	Nguyễn Gia Khánh	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1985	3/2007	Xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

409.	Nguyễn Văn Long	Trung úy CN	Đội trưởng đội 1 Phân kho B, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Tử Đà, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
410.	Trần Phương Huy	Trung úy CN	Đội trưởng Phân kho A, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
411.	Lê Văn Xuân	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1986	10/2007	Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
412.	Lưu Trần Đông	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2007	Xã Hồng Thái, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
413.	Phạm Văn Ninh	Trung úy CN	Nhân viên Phân kho B, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2008	Xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình
414.	Nguyễn Ngọc Hân	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
415.	Nguyễn Ngọc Phú	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2008	Xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
416.	Trần Anh Quang	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Bảo dưỡng sửa chữa, Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1988	10/2008	Xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
417.	Trần Mạnh Cường	Trung úy CN	Nhân viên Đội Bảo vệ, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2008	Xã Hưng Tiến, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
418.	Nguyễn Thị Nhung	Trung úy CN	Nhân viên thống kê Vật tư, Ban Kế hoạch, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	5/2008	Xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
419.	Nguyễn Trường Linh	Trung úy CN	Nhân viên Đội Bảo vệ, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1986	10/2007	Phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
420.	Nguyễn Thị Nga	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1980	12/2007	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
421.	Đinh Thị Thu Hà	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1977	12/2007	Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
422.	Phan Thúc Định	Trung úy CN	Trung đội trưởng Đội Cảnh vệ, Kho K870, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
423.	Trần Văn Thuận	Trung úy CN	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho KT788, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2007	Xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

424.	Lê Thị Liên	Trung úy CN	Nhân viên, Phân kho A, Kho KT788, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1967	12/2007	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
425.	Vũ Điệp	Trung úy CN	Nhân viên, Phân kho A, Kho KT788, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục Kỹ thuật	1970	12/2007	Xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
426.	Khuất Duy Biên	Trung úy CN	Đội phó đội Bốc Xếp, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
427.	Trần Xuân Phong	Trung úy CN	Phân đội trưởng, đội Cảnh vệ, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Lương Thiện, huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng
428.	Nguyễn Văn Khoé	Trung úy CN	Trợ lý Ban Hậu cần,, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
429.	Bùi Văn Diện	Trung úy CN	Nhân viên, đội Bảo vệ, Kho K854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	10/2007	Xã Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
430.	Phạm Ngọc Quyết	Trung úy CN	Nhân viên, Đội cảnh vệ, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng Cục Kỹ thuật	1987	6/2007	Xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
431.	Trần Thanh Tùng	Trung úy CN	Trợ lý kỹ thuật, Ban kỹ thuật, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng Cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Long Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình
432.	Bùi Đức Quân	Trung úy CN	Trợ lý kỹ thuật, Ban kỹ thuật, Kho K850, Cục Quân khí, Tổng Cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
433.	Hoàng Chiến Thắng	Trung úy	Trợ lý, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2007	Phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
434.	Hoàng Gia Cường	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
435.	Lại Văn Quyền	Thiếu úy CN	Thợ sửa chữa, Trạm Bảo dưỡng Sửa chữa, Đoàn 384, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2004	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
436.	Đinh Xuân Thủy	Thượng úy	Phó Đại đội trưởng, Đại đội 4, Tiểu đoàn 2, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2005	Xã Thanh Lạc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
437.	Bùi Vĩnh Hùng	Trung úy	Phó Đại đội trưởng, Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2006	Xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
438.	Lê Bá Hạnh	Đại úy	Giáo viên, Khoa Vũ khí, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2003	Xã Thọ Lộc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
439.	Lê nguyên Thái	Thượng úy	Đại đội trưởng Đại đội 16, Tiểu đoàn 5, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

440.	Nguyễn Văn Quyết	Thượng úy	Phó Đại đội trưởng Đại đội 5, Tiểu đoàn 2, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1985	02/2004	Phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
441.	Lưu Thị Minh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1976	7/1995	Xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
442.	Ngô Quảng Yên	Đại úy	Đại đội trưởng Đại đội 14, Tiểu đoàn 5, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/1997	Xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
443.	Ngô Xuân Trường	Thượng úy	Đại đội trưởng Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2006	Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
444.	Nguyễn Anh Đức	Thượng úy	Giáo viên, Khoa Vũ khí, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1984	9/2004	Xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
445.	Nguyễn Đình Luận	Thượng úy	Chính trị viên Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
446.	Nguyễn Hồng Việt	Thiếu tá	Giáo viên, Khoa Tăng Thiết giáp, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
447.	Nguyễn Quốc Đăng	Thượng úy	Đại đội trưởng Đại đội 4, Tiểu đoàn 2, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2006	Xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
448.	Nguyễn Thị Chung	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1976	9/1995	Xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
449.	Nguyễn Thị Tâm	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1996	Xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
450.	Nguyễn Thị Thanh	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1984	12/2003	Xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
451.	Nguyễn Thị Thanh Dung	Đại úy CN	Nhân viên, Phòng Hậu cần, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1996	Xã Quảng Lộc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
452.	Nguyễn Trung Hiếu	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Khoa học quân sự, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1982	4/2001	Phường Lam Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
453.	Nguyễn Văn Thái	Trung úy CN	Lái xe, Phòng Kỹ thuật, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Quân sự, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Thạch Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
454.	Bùi Thanh Bình	Thượng úy CN	Thợ sơn, Phân đội Gia công Cơ khí-Mộc, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1974	01/2005	Thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định

455.	Đặng Toàn Thắng	Thượng úy CN	Thợ hàn, Phân đội Gia công Cơ khí-Mộc, Xưởng X203, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1975	02/1995	Xã Hậu Bông, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
456.	Lê Văn Sỹ	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Xưởng X203, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/1997	Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
457.	Nguyễn Thị Thái Huyền	Đại úy	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1976	12/1994	Xã Hồng Phong, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
458.	Nguyễn Thị Yến	Thiếu tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1963	11/1983	Xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
459.	Nhữ Thị Ánh	Thiếu tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1962	8/1983	Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
460.	Phạm Thị Thanh Ngọc	Trung tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1968	7/1985	Xã Liên Minh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
461.	Phan Văn Hạnh	Thượng úy	Trợ lý Ban Hậu cần, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	3/1997	Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
462.	Trần Minh Thông	Thượng úy	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/1997	Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
463.	Trần Tuấn Anh	Đại úy	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1974	02/1996	Xã Thiên Cầm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
464.	Trần Văn Sinh	Trung tá	Nhân viên, Đoàn Tiếp nhận Cung ứng 15, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1963	3/1983	Xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
465.	Bùi Phú Hà	Trung úy CN	Kiểm định viên, Trung tâm Kiểm định 17, Cục Xe -Máy, Tổng Cục Kỹ thuật	1978	4/2006	Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
466.	Lê Thái Nam	Trung úy	Trợ lý, Trung tâm Kiểm định số 17, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2006	Xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
467.	Nguyễn Trung Hưng	CNVQP	Kiểm định viên, Trung tâm Kiểm định 17, Cục Xe-Máy, Tổng Cục Kỹ thuật	1983	02/2005	Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
468.	Ma Đức Lợi	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho vật tư 2, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	2/2008	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang
469.	Hoàng Văn Hùng	CNVQP	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/20 05	Xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
470.	Nguyễn Bình Triệu	Chuẩn úy CN	Nhân viên, Ban hậu cần, Kho J106, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
471.	Nguyễn Công Hạnh	Thiếu úy CN	Nhân viên, Xưởng cơ khí- mộc, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	10/2004	Xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

472.	Vũ Văn Tuấn	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2008	Phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
473.	Chu Quang Sỹ	Chuẩn úy CN	Nhân viên, PKVT2, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Phú Đông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
474.	Chu Văn Liệu	Thượng úy CN	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/2006	Phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
475.	Hoàng Xuân Oai	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1969	12/2004	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
476.	Lại Hồng Thanh	Chuẩn úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1982	02/2005	Xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
477.	Nguyễn Huy Hoàng	CNVQP	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	12/2002	Xã Bình Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
478.	Nguyễn Thị Thuý	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2009	Xã Minh Đức, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
479.	Bùi Văn Hùng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2000	Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
480.	Chu Anh Tùng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2006	Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
481.	Đỗ Thái Sơn	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2005	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
482.	Khuất Anh Toàn	Chuẩn úy CN	Nhân viên, Xưởng Cơ khí-Mộc, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	3/2002	Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
483.	Lê Đình Biên	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1979	02/1998	Xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
484.	Lê Mạnh Cường	Thiếu úy	Trợ lý, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1989	10/2007	Xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
485.	Lưu Đức Ngọc	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2008	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
486.	Nguyễn Mạnh Hoàn	Chuẩn úy CN	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Thái Linh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
487.	Nguyễn Thị An	Đại úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1971	01/2005	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
488.	Nguyễn Thị Hoà	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	3/2006	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

489.	Nguyễn Thị Thu	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1980	02/2005	Xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
490.	Nguyễn Thị Tươi	CNVQP	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	3/1986	Phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
491.	Vũ Thị Luyến	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	01/2005	Xã Nhạo Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
492.	Phạm Huy Tiếp	Trung úy CN	Trợ lý phân kho Vật tư 2, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
493.	Lương Hải Hậu	Trung úy CN	Nhân viên ban Hậu cần, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2006	Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
494.	Nguyễn Trung Đức	Trung úy CN	Trợ lý ban Kỹ thuật, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	9/2007	Xã Thuý Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
495.	Phùng Văn Thạch	Trung úy CN	Nhân viên ban Hành chính, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	3/2007	Xã Nam Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
496.	Trần Lê Hùng	Trung úy CN	Nhân viên ban Hành chính, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2007	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
497.	Trần Việt Cường	Trung úy CN	Nhân viên ban Hành chính, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2007	Xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
498.	Phạm Văn Hải	Trung úy CN	Trợ lý ban Hành chính, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2006	Xã Chu Phan, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
499.	Vũ Minh Tuấn	Trung úy CN	Nhân viên ban Hành chính, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2006	Xã Tiên Nội, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
500.	Ngô Quốc Anh	Trung úy CN	Nhân phân kho xe DTQP, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1998	9/2007	Xã Thái Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
501.	Nguyễn Thị Xuyên	Trung úy CN	Nhân viên ban Hành chính, kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/2006	Xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
502.	Đinh Công Chương	Thiếu tá CN	Công nhân, Phân xưởng Sửa chữa Động cơ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	02/1980	Thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
503.	Đinh Văn Việt	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hành chính, Kho J106, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1984	3/2008	Xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
504.	Bùi Văn Hiệp	Thiếu úy CN	Lái xe, Ban Tham mưu - Kế hoạch, kho J258, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	10/2007	Xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình
505.	Nguyễn Thị Liên	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J258, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	10/1995	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

506.	Nguyễn Duy Vũ	Trung úy CN	Nhân viên Ban Kế hoạch, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2008	Xã Thiện Kỳ, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
507.	Đoàn Văn Hà	Trung úy CN	Nhân viên Trạm Sửa chữa, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1986	3/2008	Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
508.	Đỗ Bá Giang	Trung úy CN	Nhân viên Đội Cán vụ-Bóc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2008	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
509.	Nguyễn Xuân Long	Trung úy CN	Nhân viên Đội Cảnh vệ, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2008	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
510.	Vũ Huy Hoàng	Trung úy CN	Trợ lý Ban Kỹ thuật, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
511.	Vi Tuấn Linh	Trung úy CN	Nhân viên Đội Cán vụ-Bóc xếp, Kho K896, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
512.	Hoàng Đạt Công	Trung úy CN	Trợ lý Kỹ thuật, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2007	Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
513.	Nguyễn Thành Luân	Trung úy CN	Trợ lý Kỹ thuật, Kho K895, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2007	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
514.	Phạm Thị Hiền	Trung úy CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 18, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	01/1998	Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
515.	Phạm Trường Giang	Trung úy	Chính trị viên phó Tiểu đoàn 18, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	01/1998	Xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
516.	Phan Công Tráng	Thiếu tá CN	Nhân viên, Tiểu đoàn 18, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1970	02/1988	Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
517.	Võ Sinh Chi	Trung úy CN	Trợ lý ban Kỹ thuật, kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	9/2006	Xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
518.	Nguyễn Văn An	Trung úy CN	Trợ lý ban Tham mưu kế hoạch, kho J102, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2006	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
519.	Nguyễn Văn Tùng	Trung úy CN	Thợ điện, xưởng Sửa chữa xe du lịch, Z157, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2006	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
520.	Nguyễn Thị Thơm	Thiếu tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1968	8/1998	Xã Ninh Sơn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
521.	Bùi Tiến Hùng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J102, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Quy Hậu, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình
522.	Bùi Văn Linh	Trung úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1989	3/2007	Xã Yên Dương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

523.	Bùi Văn Mong	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/1995	Xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
524.	Đặng Văn Đạt	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2006	Phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
525.	Hà Trọng Lượng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1990	9/2008	Xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
526.	Lâm Khánh Toàn	Thiếu úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2007	Xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
527.	Lê Văn Tính	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phân kho xe Dự trữ quốc phòng, kho J102, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2007	Xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
528.	Nguyễn Trung Kiên	Trung úy	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật- Công Nghệ, nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2006	Xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
529.	Vũ Văn Thoa	Thượng úy CN	Trợ lý, Phòng Kỹ thuật-Công nghệ, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2004	Xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
530.	Bùi Văn Tường	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phòng Tài chính, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2006	Phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
531.	Chu Hữu Phái	Thiếu úy	Trợ lý, Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2004	Xã Vật Lại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
532.	Nguyễn Duy Thắng	Thượng úy	Trợ lý, Phòng KCS, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1981	9/2007	Xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
533.	Nguyễn Văn Đắc	Thiếu úy CN	Nhân viên, Phòng Kế hoạch-Vật tư, Nhà máy Z157, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1989	9/2008	Xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
534.	Đỗ Thị Minh Tiến	Thiếu tá	Thợ nguội, Phân xưởng Gia công nóng Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1972	1991	Xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
535.	Bùi Văn Mạnh	Thiếu tá	Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1972	1991	Xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
536.	Bùi Thị Phong Lan	CNVQP	Thợ nguội, Phân xưởng Cơ khí chính xác, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1973	3/2006	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
537.	Lê Ngọc Anh	CNVQP	Thợ Sửa chữa pháo, Phân xưởng sửa chữa pháo mặt đất, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1978	3/2006	Xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
538.	Lê Thị Hồng Vân	Trung úy	Nhân viên thống kê, Phân xưởng Cơ khí chính xác, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1978	4/2006	Xã Như Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
539.	Mai Thị Liên	Đại úy	Thủ kho, Phòng Vật tư, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1968	1/2006	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

540.	Mai Thị Phương Lan	CNVQP	Nhân viên, Phòng chính trị, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1973	9/1993	Xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
541.	Mông Cao Nguyên	CNVQP	Thợ Mộc, Phân xưởng Gia công nóng, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1976	3/2006	Xã Hồng Đức, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
542.	Ngô Thế Thắng	CNVQP	Thợ Sửa chữa, Phân xưởng Cơ điện, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1971	01/2004	Xã Đáp Cầu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
543.	Nguyễn Như Dương	CNVQP	Thợ nguội, Phân xưởng Cơ khí chính xác, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1972	3/2006	Xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
544.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	CNVQP	Nhân viên, Phòng Tài chính, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1974	3/2006	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
545.	Nguyễn Văn Ánh	Thiếu úy	Trợ lý, Phân xưởng sửa chữa khí tài quang học, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1984	02/2003	Xã Nam Hải, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
546.	Vũ Thị Thu Hằng	CNVQP	Thủ kho, Phân xưởng sửa chữa khí tài quang học, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1971	3/2006	Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
547.	Vũ Văn Hưng	Thiếu úy	Nhân viên, Phòng Tổ chức - Lao động, Nhà máy Z133, Tổng cục Kỹ thuật	1981	02/2005	Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
548.	Nguyễn Gia Trung	Trung úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2004	Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
549.	Nguyễn Lê Dũng	Thiếu úy	Trợ lý, Ban Kỹ thuật, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2005	Xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
550.	Nguyễn Mạnh Tùng	Thiếu úy CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2004	Xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
551.	Chu Thị Minh	Đại úy CN	Nhân viên bảo quản, Phân kho xe máy, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1959	3/2006	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
552.	Đặng Như Thành	Thiếu úy	Trợ lý, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2006	Xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
553.	Đinh Thị Dần	Thiếu tá CN	Nhân viên bảo quản, Phân kho xe máy, Kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1976	01/1994	Xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
554.	Đỗ Tiến Thọ	Thiếu úy CN	Lái xe, Đội Vận tải, Kho J250, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2005	Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
555.	Hoàng Thị Như Ngọc	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J250, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	01/2007	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
556.	Lê Thị Xây	Trung úy CN	Nhân viên bảo quản, Xưởng Bảo quản, Kho J250, Cục Xe -Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	4/2006	Xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

557.	Nguyễn Thị Thu An	CNVQP	Nhân viên bảo quản, Xưởng Bảo quản, Kho J250, Cục Xe -Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1950	12/1975	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
558.	Nguyễn Tuấn Anh	Thiếu úy CN	Trợ lý, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J250, Cục Xe -Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2005	Xã Phú Khánh, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ
559.	Nguyễn Bá Cường	Trung úy CN	Trợ lý ban Hành chính, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	9/2006	Xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
560.	Trần Doãn Thắng	Trung úy CN	Nhân viên phân kho xe- máy, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1983	02/2005	Xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
561.	Mai Thị Hồng Hạnh	Trung úy CN	Nhân viên phân kho Vật tư hệ 1, kho J250/Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1978	12/2006	Xã Kim Định, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
562.	Nguyễn Huy Hội	Trung úy CN	Trợ lý ban Hậu cần, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	3/2007	Xã Thạch Trung, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
563.	Trần Hữu Trọng	Trung úy CN	Nhân viên ban Hành chính, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2007	Xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
564.	Nguyễn Thống Nhất	Trung úy CN	Trợ lý ban TMKH, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2006	Xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
565.	Nguyễn Tiến Cường	Trung úy CN	Trợ lý ban Hậu cần, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	10/2006	Xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
566.	Nguyễn Tất Thắng	Trung úy CN	Lái xe đội Vận tải, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1988	3/2007	Thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
567.	Lê Đình Thanh	Trung úy CN	Trợ lý ban Kỹ thuật, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2006	Phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
568.	Phạm Tiến Khi	Trung úy CN	Trợ lý ban Hành chính, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	3/2007	Xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
569.	Vũ Hồng Sơn	Trung úy CN	Trợ lý ban Hành chính, kho J250, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	02/2006	Xã Thuý Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
570.	Kiều Thị Hương	Thiếu tá CN	Nhân viên, Xưởng Bảo quản, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	01/2005	Xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
571.	Đào Tuấn Thanh	Đại úy	Trưởng ban, Ban Kỹ thuật, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1973	01/2005	Phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
572.	Nguyễn Minh Hải	Thượng úy	Trợ lý, Ban Tham mưu-Kế hoạch, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1985	9/2008	Xã Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
573.	Nguyễn Thị Thuý	CNVQP	Giáo viên mầm non, Ban Hậu cần, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	10/1988	Xã Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

574.	Hoàng Thị Quy	CNVQP	Nhân viên, Ban Tham mưu - Kế hoạch, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	4/1981	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
575.	Hoàng Thị Thoa	Thiếu tá CN	Giáo viên mầm non, Ban Hậu cần, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1961	12/2006	Xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
576.	Lê Thị Phương	CNVQP	Thủ kho, Tham mưu - Kế hoạch, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1972	01/1996	Phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
577.	Nguyễn Quốc Thiện	Trung úy	Trợ lý, Ban Chính trị, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1986	02/2004	Xã Đông Lâm, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
578.	Nguyễn Thị Minh	CNVQP	Nhân viên, Ban Kỹ thuật, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1962	10/1988	Xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An
579.	Nguyễn Thị Minh Trang	Thiếu tá CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư B, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1960	4/2006	Xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
580.	Nguyễn Thị Vinh	Trung tá CN	Nhân viên, Ban Hậu cần, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1966	4/2006	Thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
581.	Nguyễn Văn Đông	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân kho Vật tư A, Kho J112, Cục Xe-Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	02/1990	Xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
582.	Nguyễn Trí Tuấn	Trung úy CN	Trung đội trưởng, Trung đội cảnh vệ- Bảo vệ, kho J112, Cục Xe- Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1987	9/2005	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
583.	Nguyễn Thị Sinh	Đại úy	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1966	02/1985	Xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
584.	Nguyễn Thị Thắng	CNVQP	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1973	10/1994	Xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
585.	Nguyễn Thị Tuyết Anh	Thiếu tá CN	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1968	12/1990	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
586.	Phùng Thị Hạnh	Thượng úy CN	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Sen Chiêu, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
587.	Phùng Tuấn Quyết	Trung úy	Phụ trách Ban Tài chính, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1978	11/1996	Xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
588.	Phùng Văn Lực	Đại úy	Phân đội trưởng, Đội Huấn luyện 1, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	9/1997	Xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
589.	Vương Thị Thanh	Thượng úy CN	Nhân viên, Trung tâm Huấn luyện 334, Bộ Tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật	1977	10/1995	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

✱